

TDEC

Ban phụ trách Bồn chứa Ngầm
Chính sách Xử lý Vi phạm

Ngày 24 tháng 6 năm 2022

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM: Tài liệu này chỉ nêu chính sách chứ không tạo ra các quyền hoặc nghĩa vụ pháp lý. Tài liệu này nhằm mục đích đưa ra hướng dẫn cho cán bộ nhân viên của ban phụ trách về cách áp dụng các quyết định, quy trình và thông lệ liên quan đến các hoạt động hoặc công việc nội bộ của ban phụ trách. Trong bất cứ trường hợp cụ thể nào, các quyết định có ảnh hưởng đến công chúng, bao gồm cả cộng đồng chịu sự quản lý, đều sẽ được áp dụng các luật và quy định hiện hành cho các sự kiện cụ thể. Việc đề cập đến tên thương mại hoặc các sản phẩm thương mại không có nghĩa là sự ủng hộ hoặc khuyến nghị sử dụng.

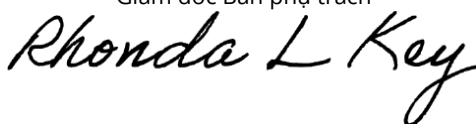
TRANG CHỮ KÝ & BẢNG LỊCH SỬ SỬA ĐỔI



24 tháng 6 năm 2022

Giám đốc Ban phụ trách

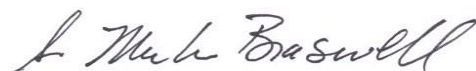
Ngày



24 tháng 6 năm 2022

Người soạn thảo/Người lập

Ngày



24 tháng 6 năm 2022

Người kiểm duyệt

Ngày

Số phiên bản	Ngày	Tóm tắt Nội dung Thay đổi
0	2013	Tạo SOP
1	24 tháng 6 năm 2022	Sửa đổi theo các thay đổi về quy định có hiệu lực từ ngày 13/10/2018 & 15/6/2021

Mục lục

1) QUY TRÌNH CHUYỂN VIỆC XỬ LÝ VI PHẠM ĐẾN BỘ PHẬN PHỤ TRÁCH VỤ VIỆC CỦA VĂN PHÒNG THỰC ĐỊA	4
2) QUY TRÌNH CHUYỂN HỒ SƠ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ ĐÓNG VĨNH VIỄN BỒN CHỨA NGẦM ĐẾN VĂN PHÒNG THỰC ĐỊA	6
3) Quy trình Chuyển hồ sơ Xử lý Vi phạm về Tuân thủ đến Văn phòng Thực địa	8
4) Danh sách Kiểm tra Chuyển hồ sơ Áp dụng Chế tài Xử lý	10
5) QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ VIỆC CHUYỂN HỒ SƠ ÁP DỤNG CHẾ TÀI XỬ LÝ	11
6) QUY TRÌNH XỬ LÝ VỤ VIỆC NỢ LỆ PHÍ CỦA CHỦ SỞ HỮU TRƯỚC	12
7) BIỆN PHÁP XỬ LÝ VI PHẠM SỬA ĐỔI ĐỐI VỚI QUY TRÌNH TIẾP NHẬN NHIÊN LIỆU BẤT HỢP PHÁP	13
8) Quy trình Tính toán Khoản phạt Dân sự	15
9) Quy trình Đóng Vụ việc mà Không có Phán quyết	19
10) Quy trình Thỏa hiệp và Giải quyết	20
11) PHỤ LỤC A – Các Vi phạm Yêu cầu Lớp Học về Bồn chứa để Đào tạo lại Người vận hành	22
12) PHỤ LỤC B – Văn bản Thông báo Vi phạm (Xem mẫu văn bản để biết định dạng)	23
13) PHỤ LỤC C – Chuyển Vụ việc về Gây ô nhiễm/Đóng cửa	25
14) PHỤ LỤC D – Chuyển Vụ việc Nợ Lệ phí của Chủ sở hữu Trước	26
15) PHỤ LỤC E – Những Sai sót Lớn cần Chuyển hồ sơ Xử lý Vi phạm bằng Hành động Khắc phục	27
16) PHỤ LỤC F – Yêu cầu Gia hạn Hợp lý để Chuyển hồ sơ Áp dụng Chế tài Xử lý bằng Hành động Khắc phục	28
17) PHỤ LỤC G – Nguyên tắc Tính toán Khoản phạt do Không Hợp tác	29
18) PHỤ LỤC H – Mẫu Công văn Đóng Vụ việc mà Không có Phán quyết	30
19) PHỤ LỤC J – SIÊU LIÊN KẾT ĐẾN MA TRẬN KHOẢN PHẠT	31
20) PHỤ LỤC K – MA TRẬN KHOẢN PHẠT	32

QUY TRÌNH CHUYỂN VIỆC XỬ LÝ VI PHẠM ĐẾN BỘ PHẬN PHỤ TRÁCH VỤ VIỆC CỦA VĂN PHÒNG THỰC ĐỊA

- (1) Loại bỏ Nguy hại
- (a) Nếu có mối đe dọa lớn hoặc sắp diễn ra (hơi xăng dầu hoặc sản phẩm xăng dầu trôi nổi trong các công trình tiện ích, tòa nhà, tác động đến nguồn nước uống, v.v.). Các mối nguy hại có được báo cáo đúng cách không?
1. Không. Phát hành công văn FO-084a.
 2. Có. Chuyển sang bước (1)(b).
- (b) Các hoạt động Loại bỏ Nguy hại có được triển khai không?
1. Không. Ngay lập tức chuyển vụ việc đến bộ phận Xử lý Vi phạm qua điện thoại hoặc email và LUST TRUST.
 2. Có. Tiếp tục giai đoạn điều tra tiếp theo trừ khi các hoạt động loại bỏ nguy hại ban đầu bị ngừng lại mà không có sự chấp thuận của Ban phụ trách. Tham khảo bước (1)(a).
- (2) Báo cáo Sai sót và Kế hoạch Hành động [bao gồm Báo cáo Thông báo Nguy hại (HNR), Báo cáo Ứng phó Ban đầu và Xử trí Nguy hại (IRHMR), Kế hoạch Hành động Khắc phục (CAP), Báo cáo Giám sát Hành động Khắc phục (CAMR), v.v.]
- (a) Các báo cáo sai sót có được giải quyết thích đáng theo yêu cầu của EFOM sau khi phát hành công văn FO-085 thích hợp (xem PHỤ LỤC E – Những Sai sót Lớn cần Chuyển hồ sơ Xử lý Vi phạm bằng Hành động Khắc phục) hay không?
1. Có. Chuyển sang bước (3).
 2. Không. Phát hành công văn FO-085sn với thời hạn mới là 15 ngày (trừ khi việc khắc phục sai sót cần thêm thời gian, ví dụ như lấp đặt giếng khoan/giếng quan trắc đúng cách)
- (b) Các báo cáo sai sót có được giải quyết thích đáng theo yêu cầu của EFOM sau khi phát hành công văn FO-85sn, theo bước (2)(a)2. không?
1. Có. Tiếp tục chuyển sang bước tiếp theo.
 2. Không. Phát hành Thông báo Áp dụng Chế tài Xử lý FO-085EAN và chuyển đến bộ phận Xử lý Vi phạm.
- (3) Điều tra Rò rỉ
- (a) Có thực hiện điều tra rò rỉ không?
1. Có, nhưng chưa nhận được báo cáo. Có yêu cầu gia hạn không?
 - (i) Có. Phát hành công văn FO-055 với thời hạn 30 ngày nếu hợp lý (Người bị khiếu nại có thể yêu cầu gia hạn tối đa hai lần và lần yêu cầu gia hạn thứ hai không quá 15 ngày.) Nếu vẫn không nhận được báo cáo sau lần gia hạn thứ hai, hãy phát hành Thông báo Áp dụng Chế tài Xử lý FO-084EAN và chuyển đến bộ phận Xử lý Vi phạm.
 - (ii) Không. Phát hành Công văn FO-084b hoặc FO084d với thời hạn mới là 15 ngày. Nếu vẫn không nhận được báo cáo, hãy phát hành công văn gia hạn FO-084b hoặc FO-084d, phát hành Thông báo Áp dụng Chế tài Xử lý FO-084EAN và chuyển đến bộ phận Xử lý Vi phạm.
 2. Không và báo cáo vẫn chưa nhận được. Có yêu cầu gia hạn không?

- (i) Có. Phát hành công văn FO-055 với thời hạn 30 ngày nếu hợp lý (không cho phép gia hạn thêm trừ khi có vấn đề đặc biệt như nêu trong tài liệu đính kèm). Nếu vẫn chưa thực hiện, hãy phát hành Thông báo Áp dụng Chế tài Xử lý FO-079 EAN và chuyển đến bộ phận Xử lý Vi phạm.
 - (ii) Không. Phát hành Thông báo Áp dụng Chế tài Xử lý FO-079EAN và chuyển đến bộ phận Xử lý Vi phạm.
- (4) Hành động Khắc phục (bao gồm CAP, Giám sát Hành động Khắc phục, Giám sát Đóng Bồn chứa, Bỏ Giếng, v.v.)
 - (a) Có tham dự cuộc họp Trước CAP không? Ban phụ trách muốn làm rõ về "Thời gian lên kế hoạch Trước CAP"
 - 1. Có, nhưng chưa nhận được CAP. Có yêu cầu gia hạn không?
 - (i) Có. Phát hành công văn FO-055 với thời hạn 30 ngày nếu hợp lý (Người bị khiếu nại có thể yêu cầu gia hạn tối đa hai lần và lần yêu cầu gia hạn thứ hai không quá 15 ngày.) Nếu vẫn không nhận được sau lần gia hạn thứ hai, hãy phát hành Thông báo Áp dụng Chế tài Xử lý FO-084EAN và chuyển đến bộ phận Xử lý Vi phạm.
 - (ii) Không. Phát hành Công văn FO-084e với thời hạn mới là 15 ngày. Nếu vẫn không nhận được, hãy chuyển đến bộ phận Xử lý Vi phạm.
 - 2. Không, và vẫn chưa nhận được CAP. Có yêu cầu gia hạn không?
 - (i) Có. Phát hành công văn FO-055 với thời hạn 30 ngày nếu hợp lý (không cho phép gia hạn thêm trừ khi có vấn đề đặc biệt như nêu trong tài liệu đính kèm).
 - (ii) Không. Phát hành công văn FO-084EAN và chuyển đến bộ phận Xử lý Vi phạm.
 - (b) CAP có được thực hiện như được phê duyệt không?
 - 1. Có. Chuyển sang bước tiếp theo (Tiến hành dọn sạch, giám sát việc hủy bỏ giếng, đóng hồ sơ vụ việc nếu thích hợp).
 - 2. Không. Có thể khắc phục được không?
 - (i) Có. Phát hành công văn Fo-089a với thời hạn 30 ngày để khắc phục.
 - (ii) Không. EFOM liên hệ với Chuyên gia Phụ trách Hành động Khắc phục trong khu vực để xác định xem liệu có sai lệch lớn so với CAP được phê duyệt hay không và theo dõi trên bảng tính của nhà thầu.
 - (I) Nếu xác định là có sai lệch lớn, hãy phát hành Thông báo Áp dụng Chế tài Xử lý FO-85EAN và chuyển đến bộ phận Xử lý Vi phạm.
 - (II) Nếu xác định là có sai lệch nhỏ, hãy phát hành công văn Fo-089a để thông báo cho nhà thầu về nguy cơ bị loại ra khỏi danh sách CAC.

QUY TRÌNH CHUYỂN HỒ SƠ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ ĐÓNG VĨNH VIỄN BỒN CHỨA NGẦM ĐẾN VĂN PHÒNG THỰC ĐỊA

- (1) Đơn xin Đóng Vĩnh viễn Bồn chứa Ngầm (PCA)
 - (a) Có nộp PCA trước khi tiến hành đóng bồn chứa không?
 1. Có. Chuyển sang bước (1)(b).
 2. Không. Phát hành Thông báo Áp dụng Xử lý Vi phạm FO-029 và chuyển đến bộ phận Xử lý Vi phạm.
 - (b) PCA có bị sai sót không?
 1. Có. Phát hành công văn FO-022 với thời hạn 30 ngày để khắc phục.
 2. Không. Chuyển sang bước (2).
 - (c) PCA bị sai sót có được giải quyết thích đáng theo yêu cầu của EFOM không?
 1. Có. Phát hành công văn FO-023. (Trừ khi các bồn chứa bị yêu cầu đóng do bị Xử lý Vi phạm. Sau đó đưa ra thời hạn được nêu trong Mệnh lệnh của Giám Đốc Ban phụ trách.)
 2. Không. (Nếu Mệnh lệnh của Giám đốc Ban phụ trách yêu cầu đóng bồn chứa, thì hãy thông báo cho bộ phận Xử lý Vi phạm qua điện thoại hoặc email.)
 3. Không. (Nếu không được yêu cầu theo Mệnh lệnh FO-022a của Giám đốc Ban phụ trách với thời hạn mới là 15 ngày.)
- (2) Báo cáo Đóng Vĩnh viễn Bồn chứa (PCR)
 - (a) Có nộp PCR sau khi tiến hành đóng bồn chứa không?
 1. Có. Báo cáo đã được phê duyệt. Phát hành công văn FO-0009 hoặc FO-0020.
 2. Có. Báo cáo bị sai sót. Chuyển sang bước (3).
 3. Không. Có yêu cầu gia hạn không?
 - (i) Có. Phát hành công văn FO-055 với thời hạn 30 ngày nếu hợp lý. (Người bị khiếu nại có thể yêu cầu gia hạn tối đa hai lần và lần yêu cầu gia hạn thứ hai không quá 15 ngày.). Nếu vẫn không nộp sau khi các yêu cầu gia hạn hết hạn, hãy phát hành Thông báo Áp dụng Chế tài Xử lý FO-093EAN và chuyển đến bộ phận Xử lý Vi phạm.
 - (ii) Không. Phát hành công văn FO-084c với thời hạn mới là 15 ngày. (Nếu sau đó vẫn không nộp, hãy phát hành Thông báo Áp dụng Chế tài Xử lý FO-093EAN và chuyển đến bộ phận Xử lý Vi phạm.)
- (3) Các báo cáo sai sót có được giải quyết thích đáng theo yêu cầu của EFOM sau khi phát hành công văn theo mẫu hiện hành không?
 - (a) Có. Chuyển sang bước IV.
 - (b) Không. Phát hành Thông báo Áp dụng Chế tài Xử lý FO-085EAN và chuyển đến bộ phận Xử lý Vi phạm.
- (4) Thực hiện Đóng Bồn chứa
 - (a) Đóng bồn chứa có phải là yêu cầu theo Mệnh lệnh của Giám đốc Ban phụ trách không?

1. Có, chuyển sang bước (b).
 2. Không và PCA chỉ có hiệu lực trong 12 tháng kể từ ngày được phê duyệt. Chuyển sang bước (c).
- (b) Việc đóng bồn chứa có được thực hiện không?
1. Có, chuyển sang bước (d).
 2. Không, hãy thông báo cho Bộ phận Xử lý Vi phạm qua điện thoại hoặc email.
- (c) Việc đóng bồn chứa có được thực hiện trong vòng 12 tháng kể từ ngày được phê duyệt không?
1. Có, chuyển sang bước (d).
 2. Không. (Nếu không phải là yêu cầu theo Mệnh lệnh của Giám đốc Ban phụ trách, thì việc đóng bồn chứa không còn hiệu lực nữa.)
 3. Không. (Nếu việc đóng bồn chứa được thực hiện sau 12 tháng kể từ ngày được phê duyệt, hãy phát hành Thông báo Áp dụng Chế tài Xử lý FO-023EAN và chuyển đến bộ phận Xử lý Vi phạm.)
- (d) Việc đóng bồn chứa có được thực hiện theo kế hoạch đóng bồn chứa (PCA) đã được phê duyệt và Phụ lục 0400-18- 01-.07-A của các quy định không?
1. Có. Phát hành công văn FO-020 hoặc FO-009.
 2. Không. Có thể khắc phục được không?
 - (i) Có. Phát hành công văn FO-093CV với thời hạn 30 ngày để khắc phục cùng với hồ sơ theo yêu cầu.
 - (ii) Không. EFOM xác định xem liệu có sai lệch lớn so với PCA được phê duyệt hay không.
 - (I) Nếu xác định là có sai lệch lớn, hãy phát hành Thông báo Áp dụng Chế tài Xử lý FO-093NCV và chuyển đến bộ phận Xử lý Vi phạm (Xem mẫu công văn FO-036a để soạn thảo).
 - (II) Nếu xác định là có sai lệch nhỏ, hãy phát hành công văn FO-020 hoặc FO-009.

Quy trình Chuyển hồ sơ Xử lý Vi phạm về Tuân thủ đến Văn phòng Thực địa

LƯU Ý:

- * **Bất kỳ cuộc kiểm tra nào KHÔNG tuân thủ đầy đủ thì đều phải chuyển đến bộ phận xử lý vi phạm.**
Bất kỳ cuộc kiểm tra nào cần thực hiện để hoàn thành việc đào tạo lại người vận hành mà đã quá thời hạn 90 ngày đều phải chuyển đến bộ phận xử lý vi phạm. Nếu chủ sở hữu và người vận hành bồn chứa chọn việc tham dự Tank School (Lớp học về Bồn chứa) để đáp ứng yêu cầu đào tạo lại, họ phải đạt điểm số từ 70 trở lên. Những chủ sở hữu và người vận hành bồn chứa không đạt yêu cầu đào tạo lại ban đầu nhưng hoàn thành khóa học đào tạo lại và có kết quả đạt hoặc hoàn thành đào tạo lại trên Tank Helper trong khung thời gian 90 ngày sẽ đáp ứng yêu cầu.
- ** **Nếu việc kiểm tra là nhằm xác định rò rỉ, hãy xem lại tài liệu 09(6). Quy trình sẽ được áp dụng khác trong trường hợp đó.**

-
- (1) Lên kế hoạch kiểm tra¹ theo quy trình kiểm tra thông thường.
 - (2) Xem xét hồ sơ nếu được cung cấp trong khung thời gian thích hợp.
 - (3) Thực hiện kiểm tra (xem xét bất kỳ hồ sơ nào không được cung cấp trước khi kiểm tra).
 - (4) Có phát hiện vi phạm hay không?
 - (a) **Không** – Phát hành kết quả kiểm tra tuân thủ FO-037.
 - (b) **Có** –
 1. Có phát hiện Vi phạm về Đào tạo lại Người vận hành hay không?
 - (i) **Không** – Có phát hiện vi phạm cần cung cấp hồ sơ hay không?
 - I **Không** - Phát hành kết quả kiểm tra tuân thủ FO-036VC trong vòng 1 tuần (trừ khi cần giải trình cho một vấn đề cụ thể).
 - II **Có**
 - A. **Kiểm tra không theo quy trình phần 9(6):** Phát hành kết quả kiểm tra tuân thủ FO-036 thích hợp trong vòng 1 tuần (trừ khi cần giải trình cho một vấn đề cụ thể) với thời hạn 30 ngày. Tuân theo quy trình kiểm tra thông thường từ thời điểm này.
 - B. **Kiểm tra theo quy trình phần 9(6):** Phát hành công văn kết quả kiểm tra tuân thủ FO-036FED trong vòng 1 tuần (trừ khi cần giải trình cho một vấn đề cụ thể) với thời hạn 30 ngày. Chuyển vụ việc đến Bộ phận Xử lý Vi phạm nếu trường hợp không tuân thủ không được khắc phục trong 30 ngày.
 - (ii) **Có** – Có phát hiện vi phạm cần cung cấp hồ sơ hay không?
 - I. **Không**
 - A. **Kiểm tra không theo quy trình phần 9(6):** Phát hành công văn FO-036OR trong vòng 1 tuần (trừ khi cần giải trình cho một vấn đề cụ thể) với thời hạn 90 ngày để đào tạo lại người vận hành (hoàn thành xong chương trình đào tạo của Lớp học về Bồn chứa hoặc Chương trình Đào tạo Tank Helper). Việc đào tạo lại người vận hành có hoàn tất thành công hay không (đã gửi chứng chỉ hay không có hồ sơ hoàn thành khóa học trong Tank Helper hoặc SharePoint dành cho Lớp Học về Bồn chứa)?
 - i. **Không** – Phát hành công văn EAN và chuyển đến bộ phận xử lý vi phạm.

¹ Tuân thủ các mốc thời gian lên kế hoạch phù hợp với việc kiểm tra tình trạng tuân thủ vận hành (14a & 9(6)).

ii. **Có** – Đóng kiểm tra.

B. **Kiểm tra theo quy trình phần 9(6):** Phát hành công văn FO-036FED trong vòng 1 tuần (trừ khi cần giải trình cho một vấn đề cụ thể) với thời hạn 30 ngày để đáp ứng tuân thủ trở lại và đào tạo lại người vận hành. Việc đào tạo lại người vận hành có hoàn tất thành công hay không (đã gửi chứng chỉ hay không có hồ sơ hoàn thành khóa học trong Tank Helper hoặc SharePoint dành cho Lớp Học về Bồn chứa)?

i. **Không** - Phát hành công văn EAN và Chuyển đến bộ phận xử lý vi phạm.

ii. **CÓ** - Đóng kiểm tra và hoàn hành quy trình 9(6), xem phần 9(6) *Hướng dẫn Quy trình Kiểm tra.*

II. **Có** -

A. **Kiểm tra không theo quy trình phần 9(6):** Phát hành công văn kết quả kiểm tra tuân thủ FO-036OR trong vòng 1 tuần (trừ khi cần giải trình cho một vấn đề cụ thể) với thời hạn 30 ngày để đáp ứng tuân thủ trở lại và thời hạn 90 ngày để đào tạo lại người vận hành. Cơ sở có đáp ứng thời hạn tuân thủ 30 ngày đầu tiên không?

i. **Không**- Phát hành công văn FO-036f bảo lưu thời hạn 90 ngày để đào tạo lại người vận hành như công văn ban đầu. Cơ sở có đáp ứng tuân thủ trở lại hay không?

I. **Có** – Theo dõi yêu cầu đào tạo lại người vận hành, bảo lưu thời hạn 90 ngày như công văn ban đầu. Đóng sau khi chứng chỉ Người vận hành Bậc A và B được nộp. Nếu chứng chỉ không được nộp trước thời hạn tuân thủ, hãy xác nhận việc không hoàn thành đào tạo lại người vận hành trên Tank Helper hoặc SharePoint dành cho Lớp học về Bồn chứa và chuyển đến bộ phận xử lý vi phạm.

II. **Không** – Chuyển đến bộ phận xử lý vi phạm cùng với công văn EAN.

ii. **Có**, theo dõi yêu cầu đào tạo lại người vận hành theo thời hạn 90 ngày còn lại. Đóng sau khi nhận được chứng chỉ Người vận hành Bậc A và B (hoặc Tank Helper hoặc Lớp học về Bồn chứa). Nếu chứng chỉ không được nộp trước thời hạn tuân thủ, hãy xác nhận việc không hoàn thành đào tạo lại người vận hành trên Tank Helper hoặc SharePoint dành cho Lớp học về Bồn chứa và chuyển hồ sơ đến bộ phận xử lý vi phạm.

B. **Kiểm tra theo quy trình phần 9(6):** Phát hành công văn FO-036FED trong vòng 1 tuần (trừ khi cần giải trình cho một vấn đề cụ thể) với thời hạn 30 ngày để đáp ứng tuân thủ trở lại và đào tạo lại người vận hành (chứng chỉ Lớp học về Bồn chứa hoặc Tank Helper). Việc đào tạo lại người vận hành có hoàn tất thành công hay không (đã gửi chứng chỉ hay không có hồ sơ hoàn thành khóa học trong Tank Helper hoặc SharePoint dành cho Lớp Học về Bồn chứa)?

i. **Không** - Chuyển đến Bộ phận Xử lý Vi phạm nếu trường hợp không tuân thủ không được khắc phục trong 30 ngày.

ii. **CÓ** - Đóng kiểm tra và hoàn hành quy trình 9(6), xem phần 9(6) *Hướng dẫn Quy trình Kiểm tra.*

Thông tin Bổ sung:

* Nếu tài liệu được nộp chứng minh sự tuân thủ tại thời điểm kiểm tra thì vi phạm đó sẽ không đòi hỏi phải đào tạo lại người vận hành. Nếu tất cả các vi phạm được giải quyết theo cách này, có thể gửi công văn FO-39a.

** Không cấp gia hạn để đáp ứng tuân thủ Lớp học về Bồn chứa. Nếu chủ sở hữu/người vận hành hoàn thành xong chương trình đào tạo của lớp học về bồn chứa đúng thời hạn ngày tuân thủ, thì có thể cấp gia hạn để đáp ứng tuân thủ theo quy trình vận hành tiêu chuẩn của bộ phận xử lý vi phạm.

Mã ID cơ sở _____

Kiểm tra # _____

Danh sách Kiểm tra Chuyển hồ sơ Áp dụng Chế tài Xử lý

Vui lòng sử dụng danh sách kiểm tra này để lập một EAR hoàn chỉnh và toàn diện trước khi gửi đến bộ phận Xử lý Vi phạm. Danh sách này sẽ bổ sung cho những thông tin được phát hiện từ Quy trình Kiểm tra Chuẩn hóa và sẽ giúp bộ phận Xử lý Vi phạm đưa ra chế tài mạnh mẽ nhất có thể cho OGC. Sử dụng danh sách kiểm tra này như một tài liệu tham khảo nhanh chóng và dễ dàng để đảm bảo mọi tài liệu cần thiết đều được đưa vào EAR, điều này sẽ đẩy nhanh quá trình xử lý vi phạm. Đánh dấu vào từng mục được đưa vào EAR và ghi chú cho biết lý do tại sao các mục không được đưa vào. Vui lòng gộp danh sách kiểm tra này vào gói hồ sơ EAR.

Thông tin và Tài liệu Kiểm tra Tuân thủ. (Sắp xếp theo trình tự thời gian đảo ngược.)**Tài liệu Kiểm tra**

- Nhật ký điện thoại/email và công văn lên kế hoạch kiểm tra.
- Báo cáo Kiểm tra Tình trạng Tuân thủ về Vận hành có đầy đủ họ tên và biệt hiệu nếu có, của những người đã tham gia kiểm tra và mối quan hệ với cơ sở.
- Tất cả các công văn (Kết quả Kiểm tra/Không nhận được Phản hồi/Thông báo Áp dụng Chế tài Xử lý). Tất cả các thẻ xanh hoặc trang theo dõi từ USPS, nếu không có thẻ xanh.
 - Không có người nhận - Tải lên thông báo của bưu điện. Có thể tiến hành chuyển hồ sơ.
 - Từ chối nhận - Tải lên thông báo của bưu điện. Có thể tiến hành chuyển hồ sơ.
 - Đã giao tận tay - Tải lên biên bản giao nhận có đủ chữ ký và ngày tháng. Có thể tiến hành chuyển hồ sơ.
 - Không thể chuyển phát - Tải lên thông báo của bưu điện và liên hệ với nhân viên xử lý vi phạm để được hỗ trợ. Việc chuyển hồ sơ có thể không được thực hiện cho đến khi xác định được địa chỉ hợp lệ.
- Tất cả các công văn gửi đến hoặc nhận được từ chủ sở hữu/người vận hành.
- Mọi cuộc trò chuyện qua email/nhật ký điện thoại với chủ sở hữu/người vận hành và/hoặc nhà cung cấp dịch vụ.
- Tất cả các tài liệu tuân thủ đã nhận được và phương thức nhận được (ví dụ như bản sao công văn qua email hoặc fax)

**Xin lưu ý rằng tất cả các tài liệu phải ghi ngày tháng. Khi một tài liệu được gửi qua fax thì bao gồm bản xác nhận đã gửi. Khi một tài liệu được giao tận tay bởi nhân viên UST, phải có đủ thông tin về ngày giao và chữ ký của người nhận.

Thông tin Khác (cung cấp tổng số lượng của từng mục dưới đây bất kể số lượng vi phạm)

- Số lượng khoang bồn chứa/đường ống sản phẩm tại cơ sở và tình trạng hiện tại của chúng. Ghi đầy đủ thông tin này nếu có khác với thông tin đã được cung cấp trong cơ sở dữ liệu thông báo: _____
Lưu ý nếu có nhiều hơn một hệ thống đường ống sản phẩm từ một bồn chứa.
- Số lượng thùng tràn tại cơ sở (Vui lòng lưu ý nẹp từ xa): _____
- Số lượng trụ bơm tại cơ sở: _____
- Hiện có lắp đặt thùng chứa phụ tại cơ sở ngay cả khi được lắp đặt trước năm 2007 không?
 - Bể gom của trụ bơm
 - Bể gom của STP
 - Hệ thống đường ống

Tên hợp pháp đầy đủ của tất cả những người mà quý vị đã trao đổi, bao gồm cả các biệt hiệu (nếu có) trong ngoặc đơn và mối liên hệ của mỗi biệt hiệu đó với cơ sở.

1.) _

2.) _

3.) _

Tên hợp pháp đầy đủ của bất kỳ cán bộ nhân viên phòng ban hoặc bộ phận nào khác đi cùng với thanh tra.

1.) _

2.) _

3.) _

Bất kỳ hình ảnh nào có ghi ngày chụp và tên viết tắt của thanh tra tham gia. Tất cả các ảnh màu phải được scan màu và lưu ở kích thước ban đầu. Vui lòng mô tả về nội dung ảnh nếu có.

Thông báo cho Người phụ trách Vụ việc Xử lý Vi phạm được chỉ định biết nếu nhận được bất kỳ tài liệu tuân thủ nào sau khi vụ việc được chuyển đến bộ phận xử lý vi phạm (gửi mọi tài liệu qua email tới người phụ trách vụ việc xử lý vi phạm được chỉ định).

Các thanh tra cũng sẽ nhận được bản sao email phân công cán bộ xử lý vi phạm vào các vụ việc để hỗ trợ việc trao đổi thông tin này.

Chữ ký _____ Ngày _____

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ VIỆC CHUYỂN HỒ SƠ ÁP DỤNG CHẾ TÀI XỬ LÝ

- (1) Đã nhận được Yêu cầu Áp dụng Chế tài Xử lý (EAR).
 - (a) Vụ việc Gây ô nhiễm. EAR có chữ ký của Quản lý Văn phòng Thực địa không?
 1. Có – Khởi động vụ việc.
 2. Không – Quay lại Văn phòng Thực địa (FO) để lấy chữ ký của Quản lý Văn phòng Thực địa.
 - (b) Vụ việc Đóng Bồn chứa. EAR có chữ ký của Quản lý Văn phòng Thực địa không?
 1. Có – Khởi động vụ việc.
 2. Không – Quay lại Văn phòng Thực địa (FO) để lấy chữ ký của Quản lý Văn phòng Thực địa.
 - (c) Vụ việc Tuân thủ – Có Vi phạm đang mở không?
 1. Không – Xác minh xem liệu có phải đã phát hiện một trong những vi phạm được tự động chuyển đến bộ phận xử lý vi phạm (AEV) (xem Phụ lục A đính kèm) hay không.
 - (i) Phát hiện vi phạm AEV - Người bị khiếu nại có từng tham gia lớp học về bồn chứa trong 6 năm qua không?
 - (I) Không – Phát hành Thông báo Vi phạm - Chỉ gửi công văn cho Lớp học về Bồn chứa.
 - I Chủ sở hữu bồn chứa tham gia lớp học về bồn chứa - đóng vụ việc là "Đã đóng (NOV)".
 - II Chủ sở hữu bồn chứa không liên hệ với ban phụ trách để sắp xếp lại lịch và không tham gia lớp học về bồn chứa - ban hành lệnh thực thi ngay 20/80.
 - (II) Có – Ban hành lệnh thực thi ngay 20/80.
 - (ii) Không tìm thấy vi phạm AEV nào – Đóng vụ việc là "Không hoạt động".
 2. Có – Phát hành công văn Thông báo Vi phạm (theo mẫu – xem Phụ lục B đính kèm) với thời hạn 30 ngày.
 - (i) Đã nhận được tài liệu tuân thủ
 - (I) Tuân thủ
 - I Vi phạm AEV – Chuyển đến (1)(c)1 trên đây.
 - II Không có vi phạm AEV – Đánh dấu vụ việc "Đã đóng (Không có AEV)" trong cơ sở dữ liệu.
 - (II) Không tuân thủ – Ban hành Mệnh lệnh tiêu chuẩn của Giám đốc Ban phụ trách.
 - (ii) Không nhận được tài liệu tuân thủ – Ban hành Mệnh lệnh tiêu chuẩn của Giám đốc Ban phụ trách. Các khoản phạt dân sự sẽ chỉ được áp dụng đối với các vi phạm chưa được khắc phục và đối với bất kỳ vi phạm AER nào được liệt kê trong Phụ lục A. (Lưu ý: Tất cả các mệnh lệnh sẽ cần phải được giải quyết thông qua Văn phòng Tổng Chưởng lý).

QUY TRÌNH XỬ LÝ VỤ VIỆC NỢ LỆ PHÍ CỦA CHỦ SỞ HỮU TRƯỚC

- (1) Cơ sở đã có chủ sở hữu mới, nhưng chủ sở hữu trước vẫn nợ lệ phí.
- (2) Có lập hóa đơn các khoản lệ phí đó cho chủ sở hữu trước hay không?
 - (a) Có – Chuyển Hồ sơ Nợ Lệ phí của Chủ sở hữu Trước (Phụ lục D) tới UST.EAR@tn.gov.
 1. Biểu mẫu chuyển hồ sơ phải bao gồm:
 - (i) Bảng tổng hợp lệ phí bồn chứa, tiền phạt và lãi suất đã quá hạn;
 - (ii) Biểu mẫu thông báo cho biết các bồn chứa đã được chuyển khỏi tên của chủ sở hữu trước; và
 - (iii) Bản sao các hóa đơn và bảng kê thanh toán được gửi cho chủ sở hữu trước.
 2. Cán bộ Xử lý Vi phạm sẽ xác minh rằng không có chế tài xử lý nào trước đây với chủ sở hữu trước được chuyển đến tòa án.
 - (b) Không – Kiểm tra với Phó Giám đốc Văn phòng Trung tâm về cách thực hiện.

BIỆN PHÁP XỬ LÝ VI PHẠM SỬA ĐỔI ĐỐI VỚI QUY TRÌNH TIẾP NHẬN NHIÊN LIỆU BẤT HỢP PHÁP

Chính sách này hủy bỏ và thay thế tất cả các chính sách đã được ban hành trước đây liên quan đến việc tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp. Tất cả các bảng tính tiền phạt có trong bản ghi nhớ này đều phù hợp với quy trình tính tiền phạt tiêu chuẩn của TDEC.

1. Khi thực hiện kiểm tra cơ sở, nếu có nghi ngờ về việc tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp, nhân viên thực địa nên cố gắng thu thập phiếu giao nhận.
2. Tất cả các hồ sơ phải được chuyển đến người phụ trách xử lý vi phạm theo quy trình đã thiết lập về chuyển hồ sơ áp dụng chế tài xử lý.
3. Yêu cầu áp dụng chế tài xử lý phải bao gồm các thông tin liên quan đến bất kỳ tác động môi trường nào đã xảy ra trong thời gian hệ thống được vận hành bất hợp pháp và tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp. Yêu cầu áp dụng chế tài xử lý phải bao gồm các thông tin về mọi đối tượng dễ bị tác động trong khu vực như giếng nước uống công cộng hoặc tư nhân, khu vực bảo vệ miệng giếng hoặc tác động của hơi xăng dầu đến các tòa nhà được đo bằng thiết bị phát hiện quang ion hóa hoặc thiết bị dò nhiệt ion hóa được hiệu chuẩn phù hợp và tách biệt với môi trường xung quanh cũng như các công trình tiện ích dưới mặt đất bị ảnh hưởng do vụ rò rỉ. Việc tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp sau đó sẽ được phân loại thành một trong những nguy cơ gây hại được liệt kê dưới đây.
 - a. Nhỏ - Không có tác động đến môi trường.
 - b. Trung bình - Chỉ tác động đến đất và Ban phụ trách trả lời là “và nước ngầm không uống được”, “uống được” và “NPDW” - Việc phân chia này tuân theo vị thế của ban phụ trách là biết hoặc không biết có tác động môi trường.
 - c. Lớn - Rò rỉ gây ô nhiễm nguồn nước ngầm hoặc gây ra hơi xăng dầu ảnh hưởng đến tòa nhà hoặc kết cấu dưới mặt đất khi được đo bằng thiết bị phát hiện quang ion hóa hoặc thiết bị dò nhiệt ion hóa được hiệu chuẩn phù hợp và tách biệt với môi trường xung quanh.
4. Sau khi nhận được hồ sơ chuyển, vụ việc sẽ được giao cho cán bộ xử lý vi phạm và việc tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp sẽ được phân loại là một trong những loại vi phạm quy định được liệt kê dưới đây.
 - a. Nhỏ - Tiếp nhận nhiên liệu vào các hệ thống bồn chứa không có thông báo nhưng đáp ứng tiêu chuẩn xây dựng. Các bồn chứa không có thông báo là các bồn chứa chưa được đăng ký hợp lệ với Ban phụ trách.
 - b. Trung bình - Tiếp nhận nhiên liệu vào các hệ thống bồn chứa không có thông báo và không đáp ứng tiêu chuẩn.
 - c. Lớn - Tiếp nhận nhiên liệu vào các bồn chứa bị gắn thẻ đỏ và thẻ đỏ đã bị tháo ra mà không có sự cho phép của “đơn vị phân phối nhiên liệu/công ty vận chuyển công cộng.”
5. Cán bộ xử lý vi phạm sẽ tính toán khoản phạt dân sự theo thứ tự chủ sở hữu/người vận hành bồn chứa như sau:
 - a. Nhỏ/Nhỏ (Tiếp nhận nhiên liệu vào cơ sở mà không gây ra tác động đến môi trường và có hệ thống bồn chứa không thông báo nhưng đáp ứng các tiêu chuẩn xây dựng) = \$100,00
 - b. Trung bình/Nhỏ (Tiếp nhận nhiên liệu vào cơ sở mà chỉ có tác động đến đất và có hệ thống bồn chứa không thông báo nhưng đáp ứng các tiêu chuẩn xây dựng) = \$1.200,00
 - c. Lớn/Nhỏ (Tiếp nhận nhiên liệu vào cơ sở có rò rỉ gây ô nhiễm nguồn nước ngầm hoặc gây ra hơi xăng dầu ảnh hưởng đến tòa nhà hoặc kết cấu dưới mặt đất và có hệ thống bồn chứa không thông báo nhưng đáp ứng các tiêu chuẩn xây dựng) = \$4.400,00
 - d. Nhỏ/Trung bình (Tiếp nhận nhiên liệu vào cơ sở mà không gây ra tác động đến môi trường và có hệ thống bồn chứa không thông báo cũng như không đáp ứng tiêu chuẩn) = \$200,00
 - e. Trung bình/Trung bình (Tiếp nhận nhiên liệu vào cơ sở mà chỉ có tác động đến đất và có hệ thống bồn chứa không thông báo cũng như không đáp ứng tiêu chuẩn) = \$2.000,00

- f. Lớn/Trung bình (Tiếp nhận nhiên liệu vào cơ sở có rò rỉ gây ô nhiễm nguồn nước ngầm hoặc gây ra hơi xăng dầu ảnh hưởng đến tòa nhà hoặc kết cấu dưới mặt đất và có hệ thống bồn chứa không thông báo cũng như không đáp ứng tiêu chuẩn) = \$6.000,00
 - g. Nhỏ/Lớn (Tiếp nhận nhiên liệu vào cơ sở mà không gây ra tác động đến môi trường, có các bồn chứa bị gắn thẻ đỏ và thẻ đỏ đã bị tháo ra mà không có sự cho phép) = \$600,00
 - h. Trung bình/Lớn (Tiếp nhận nhiên liệu vào cơ sở mà chỉ có tác động đến đất, có các bồn chứa bị gắn thẻ đỏ và thẻ đỏ đã bị tháo ra mà không có sự cho phép) = \$3.200,00
 - i. Lớn/Lớn (Tiếp nhận nhiên liệu vào cơ sở có rò rỉ gây ô nhiễm nguồn nước ngầm hoặc gây ra hơi xăng dầu ảnh hưởng đến tòa nhà hoặc kết cấu dưới mặt đất, có các bồn chứa bị gắn thẻ đỏ và thẻ đỏ đã bị tháo ra mà không có sự cho phép) = \$8.000,00
6. Tiếp theo, tính toán tiền phạt theo số ngày. (Tỷ lệ phần trăm trong bảng là % của mức tối đa theo quy định là \$10.000,00.)
- a. Nhỏ/Nhỏ = 0,4% X tổng số ngày không thông báo = \$40,00 X tổng số ngày không thông báo
 - b. Trung bình/Nhỏ = 0,6% X tổng số ngày không thông báo = \$60 X tổng số ngày không thông báo
 - c. Lớn/Nhỏ = 2% X tổng số ngày không thông báo = \$200 X tổng số ngày không thông báo
 - d. Nhỏ/Trung bình = 0,4% X tổng số ngày không thông báo = \$40 X tổng số ngày không thông báo
 - e. Trung bình/Trung bình = 1% X tổng số ngày không thông báo = \$100 X tổng số ngày không thông báo
 - f. Lớn/Trung bình = 3% X tổng số ngày không thông báo = \$300 X tổng số ngày không thông báo
 - g. Nhỏ/Lớn = 0,4% X tổng số ngày tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp = \$40 X tổng số ngày tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp
 - h. Trung bình/Lớn = 1,6% X tổng số ngày tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp = \$160 X tổng số ngày tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp
 - i. Lớn/Lớn = 4% X tổng số ngày tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp = \$400 X tổng số ngày tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp
7. Nếu chủ sở hữu/người vận hành bồn chứa đã tuân thủ trở lại, mệnh lệnh sẽ yêu cầu người bị khiếu nại phải thanh toán trước 25% với 75% còn lại tùy thuộc vào việc không tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp trong 12 tháng sau khi ban hành lệnh. Nếu phát hiện cả những vi phạm tuân thủ khác, thời gian thử thách sẽ là không tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp và không có những vi phạm được tự động chuyển đến bộ phận xử lý vi phạm trong 12 tháng sau khi ban hành lệnh.
- Ngoài ra, mệnh lệnh sẽ nêu rõ rằng Ban phụ trách sẽ áp dụng các khoản phạt dân sự bổ sung đối với bất kỳ hoạt động tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp mới nào bị phát hiện. Các khoản phạt dân sự xếp theo thứ tự sẽ được tính toán bằng cách sử dụng cùng một cơ sở tính toán được liệt kê trên đây và mệnh lệnh sẽ yêu cầu chủ sở hữu/người vận hành bồn chứa phải trả đầy đủ số tiền của khoản phạt dân sự.
- Nếu việc tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp xảy ra tại cơ sở có thẻ đỏ đã bị tháo ra, thì vụ việc sẽ được chuyển sang bộ phận hình sự để thực hiện biện pháp xử lý hình sự có thể áp dụng theo Đạo luật T.C.A. § 68-215-106(d).
8. Cán bộ xử lý vi phạm sẽ soạn thảo mệnh lệnh đối với đơn vị phân phối nhiên liệu/công ty vận chuyển công cộng để tính toán số tiền phạt dân sự bằng cách sử dụng cùng một cơ sở tính toán được liệt kê ở mục 5. trên đây, nhưng tiền phạt theo số ngày sẽ được tính toán dựa trên số ngày tiếp nhận nhiên liệu bất hợp pháp. (Lưu ý: Không thể áp dụng hình phạt này nếu cơ sở chưa đăng ký.)
9. Tái phạm – Hình phạt có thể tăng lên tới 50% khi thấy chủ sở hữu/cơ sở có lịch sử không tuân thủ, miễn là số tiền phạt không vượt quá mức tối đa \$10.000,00 theo quy định mỗi ngày cho mỗi vi phạm.

Quy trình Tính toán Khoản phạt Dân sự

Ban phụ trách sẽ bắt đầu sử dụng phương pháp tính tiền phạt tiêu chuẩn của Sở. Số tiền phạt sẽ được tính toán theo từng cơ sở. Ban phụ trách có thể công nhận những vi phạm nhỏ và/hoặc những cơ sở đã tuân thủ trở lại bằng cách ban hành các lệnh thực thi ngay với hình phạt được giảm nhẹ, chẳng hạn như lệnh thực thi ngay 20/80.

Mọi hình phạt dự phòng đều dựa trên việc không để xảy ra thêm vi phạm được tự động chuyển đến bộ phận xử lý vi phạm nào trong khoảng thời gian một năm kể từ ngày giám đốc ký lệnh.

Tuy nhiên, để tiếp tục hạn chế bất kỳ sự mâu thuẫn nào giữa các mệnh lệnh, ma trận hình phạt sẽ được soạn thảo lại để cho thấy mỗi hình phạt sẽ thuộc ma trận cho sẵn như thế nào (xem PHỤ LỤC K)

HƯỚNG DẪN THỐNG NHẤT VỀ TÍNH TOÁN KHOẢN PHẠT DÂN SỰ. Cách tính khoản phạt gồm các bước sau đây, được tính cho từng vi phạm hoặc mức vi phạm quy chế hay quy định pháp luật:

1. Xác định số tiền phạt dựa trên mức độ nghiêm trọng cho một vi phạm từ Ma trận Khoản phạt Dựa trên Mức độ Nghiêm trọng;
2. Thêm thành tố “số ngày” vào nơi thích hợp, khi xét đến khoảng thời gian vi phạm;
3. Điều chỉnh tổng các thành tố số tiền phạt dựa trên mức độ nghiêm trọng và số ngày để phản ánh các trường hợp cụ thể theo vụ việc, nếu được đảm bảo (tinh thần thiện chí, do kinh suất, lịch sử không tuân thủ, v.v.); và
4. Cộng thêm mọi lợi ích kinh tế mà cơ sở thu được thông qua việc không tuân thủ.

“Cộng thêm Lợi ích Kinh tế Thu được Thông qua việc Không Tuân thủ” ở trang 18 dưới đây.

Công thức tính tiền phạt như sau:

$$\text{Số tiền phạt} = \text{Số tiền phạt dựa trên mức độ nghiêm trọng} + \text{Số ngày +/-} \\ \text{Mức điều chỉnh} + \text{Lợi ích Kinh tế}$$

A. Xác định Khoản phạt dựa trên Mức độ Nghiêm trọng

Trích dẫn cụ thể từng vi phạm riêng (cung cấp số cũng như nội dung của quy chế và/hoặc quy định pháp luật) và thực hiện các bước sau đây đối với từng vi phạm:

1. Thiết lập các nhân tố cần xem xét trong quy chế về môi trường thích hợp.
2. Xác định xem liệu tác hại gây ra đối với sức khỏe cộng đồng và/hoặc môi trường thuộc mức độ lớn, trung bình hay nhỏ. Khi xác định tác hại, cần xét đến một số yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn ở:
 - a. Bằng chứng về rò rỉ.
 - b. Bằng chứng về quản lý yếu kém.
 - c. Sự đầy đủ của trang thiết bị theo dõi, quy trình kiểm tra.
 - d. Khả năng ngăn ngừa hoặc phát hiện rò rỉ.
 - e. Lượng rò rỉ
 - f. Mức độ độc hại của rò rỉ
 - g. Nguy cơ/thực trạng phát tán rò rỉ qua không khí, nguồn nước mặt, nguồn nước ngầm.
 - h. Sự tồn tại, quy mô và khoảng cách của các đối tượng ảnh hưởng (công nhân, cư dân, cá, động vật hoang dã,

môi trường dễ bị tác động như vùng đất ngập nước, tầng chứa nước nguồn duy nhất, nguồn nước mặt).

- i. (Các) vi phạm về yêu cầu giấy phép.
 - j. Đăng ký và/hoặc chứng nhận hết hiệu lực.
3. Xác định xem mức độ vi phạm hoặc sai lệch so với quy định hoặc các yêu cầu pháp luật thuộc dạng lớn, trung bình hay nhỏ.
 4. Sử dụng các nhân tố trên, vào ma trận khoản phạt và tìm mức phạt dựa trên mức độ nghiêm trọng thích hợp.

Người phụ trách vụ việc nên sử dụng mức thấp trên bảng tính khoản phạt dựa trên mức độ nghiêm trọng để xác định khoản phạt sơ bộ cho từng vi phạm trước khi thực hiện điều chỉnh.

Trừ khi sử dụng mức thấp của khoản phạt dựa trên mức độ nghiêm trọng trong bảng tính, người phụ trách vụ việc nên ghi chép lại cơ sở áp dụng khoản phạt dân sự cao hơn không bị trùng lặp bởi bất kỳ điều chỉnh nào sau đó.

Cuối cùng, việc chọn số tiền phạt chính xác trong mỗi phạm vi sẽ dựa trên quyết định và phán quyết của người phụ trách vụ việc và Giám đốc Ban phụ trách trong bất kỳ trường hợp cụ thể nào. Khi chọn số tiền phạt từ phạm vi đó, cần xem xét các yếu tố như: a) mức độ nghiêm trọng của vi phạm so với các vi phạm khác trong cùng một ma trận, b) quy mô và tính chất phức tạp của người vi phạm, và c) các nhân tố có liên quan khác. "Điều này đang làm tăng hay giảm GBC?" Phản hồi của Ban phụ trách – Trong trường hợp này, mức phạt sẽ tăng lên vì số tiền trong ma trận khoản phạt của Ban phụ trách được thiết lập ở mức thấp nhất trong ma trận khoản phạt của sở.

Lưu ý rằng rất nhiều đạo luật về môi trường có điều khoản về mức phạt "tối thiểu" (không được thấp hơn). Mọi số tiền phạt được tính toán đều phải tuân thủ các mức tối thiểu đó.

MA TRẬN KHOẢN PHẠT DÀNH CHO THÀNH TỐ DỰA TRÊN MỨC ĐỘ NGHIÊM TRỌNG

Mức độ Sai lệch so với Yêu cầu

Nguy cơ Gây hại	Lớn	Trung bình	Nhỏ
Lớn	100% đến 80%	80% đến 60%	60% đến 44%
Trung bình	44% đến 32%	32% đến 20%	20% đến 12%
Nhỏ	12% đến 6%	6% đến 2%	2% đến 1%

*Tỷ lệ phần trăm trong bảng là % mức tối đa theo quy định cho từng phạm vi chương trình

B. Cộng thêm Thành tố Số ngày

Đối với mỗi vi phạm kéo dài hơn một ngày, cần ra quyết định xem có nên áp dụng các khoản phạt theo số ngày hay không. Các vi phạm tiếp diễn phải được lập hồ sơ thông qua quan sát và kiểm thử tại thực địa, qua việc tự báo cáo của người bị khiếu nại hoặc bằng cách chứng minh rằng người bị khiếu nại không thực hiện hành động theo hướng dẫn hoặc quy định pháp luật hoặc bằng cơ chế khác có ghi ngày tuân thủ.

Để tính toán thành tố số ngày của khoản phạt, hãy tìm ô thích hợp trong Ma trận Khoản phạt theo Số ngày. Sau đó, nhân số tiền đã chọn từ ô đó với số ngày diễn ra vi phạm, trừ đi một ngày (trừ đi một ngày vì khoản phạt ngày đầu tiên ở mức cao hơn và được chọn từ Ma trận Khoản phạt Dựa trên Mức độ Nghiêm trọng). Số tiền này sau đó được cộng với số tiền đã chọn cho ngày vi phạm đầu tiên từ Ma trận Khoản phạt Dựa trên Mức độ Nghiêm trọng. Mặc dù chính sách này cung cấp hướng dẫn chung về cách áp dụng khoản phạt theo số ngày, nhưng không có nội dung nào trong chính sách này ngăn cản việc tính khoản phạt lên đến mức tối đa theo luật định của mỗi chương trình cho mỗi ngày sau ngày đầu tiên xảy ra vi phạm.

MA TRẬN TÍNH TOÁN KHOẢN PHẠT THEO SỐ NGÀY**Mức độ Sai lệch so với Yêu cầu**

Nguy cơ Gây hại	Lớn	Trung bình	Nhỏ
Lớn	20% đến 4%	16% đến 3%	12% đến 2%
Trung bình	8% đến 1,6%	6,4% đến 1%	4% đến 0,6%
Nhỏ	2,4% đến 0,4%	1,2% đến 0,4%	0,4%

*Tỷ lệ phần trăm trong bảng là % mức tối đa theo quy định cho từng phạm vi chương trình

Gộp nhóm các Vi phạm

Tùy theo quyết định của Giám đốc Ban phụ trách, các vi phạm có thể được gộp lại, nghĩa là khi các vi phạm bắt nguồn từ một vi phạm cơ sở hoặc khi các vi phạm tương tự nhau, thì các vi phạm đó có thể được gộp lại thành nhóm và coi là một vi phạm. Những ví dụ bao gồm:

1. Khi cơ sở không lắp đặt hệ thống quan trắc nguồn nước ngầm, nên việc lấy mẫu hàng quý sẽ dẫn đến vi phạm, nhưng cơ sở đó sẽ không thể tuân thủ vì ngay từ đầu đã không lắp đặt hệ thống quan trắc nguồn nước ngầm. Do đó, bất kỳ vi phạm nào liên quan đến hệ thống quan trắc nguồn nước ngầm nếu được lắp đặt theo yêu cầu, thì có thể được gộp lại theo nhóm thành một vi phạm – không lắp đặt hệ thống quan trắc nguồn nước ngầm.
2. Nếu cơ sở không xin cấp giấy phép theo giấy phép chung hoặc giấy phép theo quy định, thì cơ sở đó cũng có thể vi phạm một số hoặc tất cả các yêu cầu về giấy phép. Bất kỳ vi phạm nào bên cạnh việc không thông báo và xin cấp giấy phép có thể gộp lại thành nhóm để xác định cách tính toán khoản phạt.

Việc gộp nhóm các vi phạm là theo quyết định chủ quan. Miễn là tổng mức phạt đối với tất cả các vi phạm có liên quan là phù hợp với mức độ nghiêm trọng của hành vi, đủ để răn đe hành vi tương tự trong tương lai và thu hồi được lợi ích kinh tế thì việc gộp nhóm vi phạm là việc làm có thể chấp nhận.

C. Điều chỉnh Khoản phạt Ban đầu

Các nhân tố điều chỉnh có thể làm tăng hoặc giảm số tiền phạt được tính toán từ các ma trận, tùy thuộc vào thực tế của từng trường hợp. Các điều chỉnh (tăng hoặc giảm) đối với trường hợp có nỗ lực thiện chí để tuân thủ, hành vi khinh suất/cố ý hoặc lịch sử không tuân thủ phải được áp dụng cho tổng của các thành tố Dựa trên Mức độ Nghiêm trọng và Số Ngày, trước khi cộng thêm mọi khoản lợi ích kinh tế. Các ban phụ trách cũng có thể xem xét các yếu tố cụ thể theo quy chế² khi điều chỉnh hình phạt cơ sở. Một vụ việc có thể áp dụng nhiều nhân tố điều chỉnh; tuy nhiên, sau khi đã áp dụng tất cả các nhân tố điều chỉnh thì khoản phạt cuối cùng không được vượt quá mức tối đa theo luật định cho mỗi ngày vi phạm.

Cơ sở có thể sẵn hiện thiện chí bằng cách nhanh chóng xác định và báo cáo tình trạng không tuân thủ hoặc bằng cách đưa ra các biện pháp khắc phục vi phạm trước khi Sở phát hiện ra vi phạm. Nói cách khác, thiện chí có thể được thể hiện thông qua hành động và việc làm của cơ sở nhằm nỗ lực tuân thủ, thay vì không có hành động. Ví dụ về thiện chí thường là theo từng trường hợp cụ thể. Thiện chí như vậy có thể cho phép giảm mức phạt dựa trên mức độ nghiêm trọng xuống đến 50%.

² Ví dụ, giá trị kinh tế và xã hội của nguồn xả thải, mức độ phù hợp của nguồn gây ô nhiễm với khu vực nơi lắp đặt, tính hợp lý về mặt kỹ thuật và kinh tế của việc giảm/loại bỏ xả thải, nguyên nhân của việc xả thải hoặc vi phạm, số tiền phạt do hội đồng quy định đối với các loại vi phạm cụ thể, và liệu khoản phạt đó có phải là biện pháp răn đe kinh tế đối với các vi phạm trong tương lai hay không.

Ngược lại, mức phạt dựa trên mức độ nghiêm trọng có thể tăng lên đến 50% khi thể hiện sự cố ý và/hoặc khinh suất. Các yếu tố để xem xét khi xác định hành vi cố ý hoặc khinh suất bao gồm nhưng không giới hạn ở:

1. Mức độ kiểm soát của người vi phạm đối với sự kiện cấu thành vi phạm.
2. Liệu người vi phạm đã có thể lường trước được các sự cố dẫn đến vi phạm hay không.
3. Liệu người vi phạm có thực hiện các biện pháp phòng ngừa hợp lý để ngăn chặn vi phạm hay không.
4. Liệu người vi phạm có biết hoặc lẽ ra đã biết được những nguy hại liên quan đến hành vi đó hay không.
5. Liệu người vi phạm có biết hoặc lẽ ra đã biết những quy định pháp lý nào bị vi phạm hay không.
6. Mức độ nỗ lực của người vi phạm để đáp ứng sự tuân thủ.

Mức phạt có thể tăng lên đến 50% sau khi thấy cơ sở có lịch sử không tuân thủ. Trong trường hợp người bị khiếu nại trước đó đã vi phạm các quy định của chương trình, thì đây là bằng chứng rõ ràng cho thấy người bị khiếu nại không e ngại chế tài xử lý trước đó. Các yếu tố để xem xét khi thiết lập lịch sử không tuân thủ bao gồm nhưng không giới hạn ở:

1. Mức độ kiểm soát của người vi phạm đối với các sự kiện cấu thành vi phạm.
2. Tính tương đồng với (các) vi phạm trước đó.
3. Thời điểm xảy ra (các) vi phạm trước đó. [Gần đây thì thế nào?]
4. Số lần vi phạm trước đó.
5. Phản ứng của người bị khiếu nại đối với các vi phạm trước đó.

Chỉ nên xem xét các vi phạm được lập hồ sơ khi đánh giá lịch sử không tuân thủ. Tài liệu có thể bao gồm các báo cáo kiểm tra, báo cáo tự giám sát, ảnh chụp, thông báo vi phạm và các biện pháp xử lý vi phạm chính thức.

D. Cộng thêm Lợi ích Kinh tế Thu được Thông qua việc Không Tuân thủ

Lợi ích kinh tế sẽ được xác định vào một ngày sau đó bởi đoàn công tác bao gồm cán bộ TDEC cũng như các bên liên quan bên ngoài và được trình bày trước hội đồng UST-SWM tại một cuộc họp định kỳ theo lịch để xem xét.

E. Cộng thêm Chi phí Bất thường hoặc Rất bất thường mà Sở phải chịu

Việc thu thập “các thiệt hại” cần thêm thời gian và nỗ lực mà cán bộ của Ban phụ trách phải bỏ ra khi phải theo đuổi việc xử lý vi phạm chính thức. Vào ngày 21 tháng 8 năm 2006, TDEC đã xây dựng một tài liệu có tiêu đề “Hướng dẫn Thống nhất về Đánh giá Thiệt hại”. Hướng dẫn đó nêu rằng mỗi Ban phụ trách trực thuộc Sở Môi trường có thể thiết lập chính sách riêng của mình về đánh giá thiệt hại, miễn là chính sách đó phù hợp với hướng dẫn mà trong đó liệt kê số giờ làm việc của cán bộ nhân viên, số dặm xe đi lại và chi phí phòng thí nghiệm là ví dụ về các khoản phí phải thu.

F. Thiệt hại Tài nguyên Thiên nhiên

Một số quy chế về môi trường cho phép Sở áp dụng những điều sau khi tính toán khoản phạt: bồi thường cho việc gây mất mát hoặc hủy hoại động vật hoang dã, cá và thủy sinh; chi phí liên quan đến việc khôi phục nguồn không khí, nước, đất đai và các tài sản khác về tình trạng ban đầu; cùng với các thiệt hại thực tế khác do vi phạm gây ra. Thiệt hại tài nguyên thiên nhiên cần được xem xét trong mọi trường hợp dẫn đến tổn thất tài nguyên tạm thời hoặc vĩnh viễn.

Quy trình Đóng Vụ việc mà Không có Phán quyết

Để tiết kiệm không gian lưu giữ hồ sơ, bộ phận Xử lý Vi phạm sẽ không tiếp tục lưu giữ hồ sơ đối với các vụ việc khi được xác định là không cần xử lý vi phạm.

Quy trình tiêu chuẩn như sau:

- 1.) Cán bộ Xử lý Vi phạm sẽ gửi email cho Cán bộ Văn phòng Thực địa, bao gồm cả Quản lý Văn phòng Thực địa, để thông báo mối quan ngại của sở về vụ việc và (các) lý do nên đóng vụ việc. Nếu có sự không thống nhất giữa Cán bộ Xử lý Vi phạm và Cán bộ Văn phòng Thực địa, thì Cán bộ Xử lý Vi phạm sẽ gặp Phó Giám đốc Văn phòng Thực địa để cố gắng giải quyết vấn đề. Nếu cần, cũng có thể xin ý kiến chỉ đạo Giám đốc và Trưởng bộ phận Xử lý Vi phạm để hỗ trợ giải quyết vấn đề.
- 2.) Sau khi mọi người đồng thuận, Cán bộ Xử lý Vi phạm sẽ soạn thảo một bản ghi nhớ để lấy chữ ký của Trưởng bộ phận Xử lý Vi phạm để giải thích (các) lý do không tiếp tục theo đuổi hành động pháp lý nào nữa.
- 3.) Văn bản ghi nhớ sẽ được chuyển tiếp cùng với bất kỳ tài liệu hỗ trợ nào tới Cán bộ Văn phòng Thực địa đã gửi yêu cầu xử lý vi phạm. Thông tin này sẽ được lưu hồ sơ tại Văn phòng Thực địa.
- 4.) Cán bộ Xử lý Vi phạm sẽ thải bỏ yêu cầu xử lý vi phạm.
- 5.) Không lưu giữ hồ sơ cho vụ việc này.

Quy trình Thỏa hiệp và Giải quyết

Mặc dù mỗi trường hợp phải được phân tích theo từng cách giải quyết riêng, nhưng chính sách này đưa ra một số trường hợp chung mà sẽ hợp lý khi xem xét sử dụng quyền quyết định xử lý vi phạm được cung cấp cho Ban phụ trách³ bằng cách tham gia thương lượng với người bị khiếu nại.

1. Để xem xét giảm hoàn toàn (100%) mức phạt dân sự được áp dụng, Ban phụ trách sẽ xem xét những điều sau:
 - a. Nhân tố
 - i. Người bị khiếu nại đồng ý đóng vãn vĩnh viễn cơ sở UST theo cách đã được Ban phụ trách chấp thuận⁴; hoặc
 - ii. Người bị khiếu nại đã bán các bồn chứa này và không còn sở hữu bồn chứa/cơ sở nào khác ở Tiểu bang Tennessee⁵.
 - b. Lý do
 - i. Việc đóng bồn chứa theo đúng quy định là hoạt động rất tốn kém.
 - ii. Hình phạt cho hành vi tiếp tục không tuân thủ Đạo luật UST của người bị khiếu nại được giảm xuống bằng không vì người bị khiếu nại không còn sở hữu bồn chứa hoặc cơ sở UST ở Tiểu bang Tennessee (trừ khi người bị khiếu nại mở cơ sở mới).
2. Để xem xét giảm mức phạt dân sự <100% nhưng >25%, Ban phụ trách sẽ xem xét nhiều nhân tố sau:
 - a. Nhân tố
 - i. Người bị khiếu nại đã đóng hoặc đồng ý đóng nhanh chóng một số bồn chứa và vẫn sở hữu các bồn chứa ở Tiểu bang Tennessee, nhưng chấp nhận khoản phạt trả trước và khoản phạt dự phòng⁶, hoặc
 - ii. Người bị khiếu nại tuân thủ trở lại và không có vi phạm vận hành nào còn tồn đọng⁷.
 - b. Lý do
 - i. Không có vi phạm tồn đọng nào tại cơ sở.
 - ii. Việc đóng bồn chứa theo đúng quy định là hoạt động rất tốn kém.
 - iii. Vẫn có khả năng người bị khiếu nại không tuân thủ Đạo luật UST vì họ sở hữu các cơ sở khác. Do vậy, vẫn cần phải áp dụng khoản phạt dân sự để răn đe những hành vi không tuân thủ trong tương lai.
3. Để xem xét giảm 25% mức phạt dân sự được tính toán, Ban phụ trách sẽ xem xét những điều sau:
 - a. Nhân tố
 - i. Người bị khiếu nại đã nhận Phán quyết Cuối cùng và tiếp tục hoạt động vi phạm Phán quyết nhưng đã tuân thủ trở lại trước khi giải quyết⁸;
 - ii. Người bị khiếu nại có thể có các cơ sở khác, là nhà phân phối, hoặc có công ty con trong lĩnh vực kinh doanh phân phối xăng dầu;

³ T.C.A. Mục 68-215-121(a), Đạo luật 2005, chương. 350.

⁴ T & J Market, UST vụ việc UST18-0014, Jennifer Miller và Stacey Miller

⁵ South Young Market, UST vụ việc UST19-0079, R and J Management, Inc.

⁶ Big A Market and Deli # 1, UST vụ việc 501-05, OGC vụ việc 06-0254.

⁷ Nikinsaa Inc., UST vụ việc UST21-0127; Friends Market & Deli, UST vụ việc UST 20-0141: AM Express No. 4, UST vụ việc 17- 0194.

⁸ Mellon's Exxon, UST vụ việc 322-05, OGC vụ việc 05-0614 và POC Công ty Bất động sản, LLC, UST và OGC vụ việc UST11- 0059.

- iii. Người bị khiếu nại đã vi phạm nhiều lần tại nhiều cơ sở;
- iv. Người bị khiếu nại sở hữu và/hoặc phân phối cho nhiều cơ sở ở Tiểu bang Tennessee;
- v. Người bị khiếu nại không đóng bồn chứa nào ở Tiểu bang Tennessee; và
- vi. Người bị khiếu nại đồng ý thanh toán trước toàn bộ số tiền phạt đã giảm, đồng thời hoạt động tuân theo tất cả các luật và quy định của UST.

b. Lý do

- i. Hành động của tòa án và các chi phí liên quan sắp được thực hiện và đề nghị đó không tốt hơn những gì mà người bị khiếu nại sẽ được OGC thường xuyên đưa ra để đạt được Phán quyết Thỏa thuận.
- ii. Vẫn có khả năng người bị khiếu nại không tuân thủ Đạo luật UST vì họ sở hữu các cơ sở khác. Do vậy, vẫn cần phải áp dụng khoản phạt dân sự để răn đe những hành vi không tuân thủ trong tương lai.

Yếu tố cân nhắc khác để giải quyết vụ việc có thể bao gồm:

1. Thông tin và thông tin đầu vào từ thanh tra văn phòng thực địa, người phụ trách vụ việc xử lý vi phạm và luật sư của OGC về các vấn đề như đánh giá các vi phạm hiện tại của người bị khiếu nại, tình trạng rò rỉ cũng như lịch sử hợp tác và tuân thủ trong dài hạn;
2. Thông tin và thông tin đầu vào do người bị khiếu nại cung cấp⁹; hoặc
3. Bất kỳ vấn đề nào khác được cho là phù hợp để đưa ra quyết định đúng đắn¹⁰.

Tuy nhiên, Giám đốc Ban phụ trách có toàn quyền quyết định tham gia hoặc rút lui khỏi các cuộc đàm phán giải quyết vụ việc, và không có nội dung nào trong chính sách này hoặc các mục được liệt kê ở trên nhằm mục đích bắt buộc phải giải quyết trong mọi trường hợp.

⁹ Ví dụ như một người bị khiếu nại cung cấp thông tin và bằng chứng để hỗ trợ cho việc khiếu nại rằng một người khác trong công ty đã nhận được Mệnh lệnh nhưng không thông báo cho những người phụ trách biết về việc giao Mệnh lệnh và người bị khiếu nại kịp thời tuân thủ trở lại.

¹⁰ T.C.A. Mục 68-215-121(a), Đạo luật 2005, chương. 350.

PHỤ LỤC A – Các Vi phạm Yêu cầu Lớp Học về Bồn chứa để Đào tạo lại Người vận hành

Các Vi phạm về Đào tạo lại Người vận hành		
Vi phạm	Trích dẫn của Tiểu bang	Phần Quy định
Không lắp đặt khoang chứa phụ cho các bồn chứa được lắp đặt vào hoặc sau ngày 24 tháng 7 năm 2007.	0400-18-01-.02(2)(a)1	Các hệ thống UST: Lắp đặt & Vận hành (Thùng chứa phụ)
Không trang bị hệ thống theo dõi khe hở cho các bồn chứa được lắp đặt vào hoặc sau ngày 24 tháng 7 năm 2007.	0400-18-01-.02(2)(a)5	Các hệ thống UST: Lắp đặt & Vận hành (Thùng chứa phụ)
Không lắp đặt khoang chứa phụ cho hệ thống đường ống được lắp đặt vào hoặc sau ngày 24 tháng 7 năm 2007.	0400-18-01-.02(2)(b)1	Các hệ thống UST: Lắp đặt & Vận hành (Thùng chứa phụ)
Không có biện pháp theo dõi rò rỉ tối thiểu ba mươi (30) ngày một lần đối với hệ thống đường ống được lắp đặt vào hoặc sau ngày 24 tháng 7 năm 2007.	0400-18-01-.02(2)(b)5	Các hệ thống UST: Lắp đặt & Vận hành (Thùng chứa phụ)
Không lắp đặt bất kỳ hệ thống chống tràn đổ nào.	0400-18-01-.02(3)(a)1(i)	Các hệ thống UST: Lắp đặt & Vận hành
Không lắp đặt bất kỳ hệ thống chống đầy tràn nào.	0400-18-01-.02(3)(a)1(ii)	Các hệ thống UST: Lắp đặt & Vận hành
Không trang bị bất kỳ biện pháp bảo vệ cathode nào cho các bồn chứa bằng kim loại.	0400-18-01-.02(4)(a)	Các hệ thống UST: Lắp đặt & Vận hành
Không đóng vĩnh viễn bồn chứa có lớp lót bảo vệ mà không thêm CP theo thời hạn ngày 22 tháng 12 năm 2012.	0400-18-01-.02(4)(a)3(v)	Các hệ thống UST: Lắp đặt & Vận hành
Không trang bị bất kỳ biện pháp bảo vệ cathode nào cho hệ thống đường ống bằng kim loại.	0400-18-01-.02(4)(b)	Các hệ thống UST: Lắp đặt & Vận hành
Không áp dụng phương pháp phát hiện rò rỉ có khả năng phát hiện rò rỉ từ bồn chứa hoặc hệ thống đường ống chứa sản phẩm thường xuyên.	0400-18-01-.04(1)(a)1	Phát hiện Rò rỉ (Tổng quát)
Không lắp đặt, hiệu chuẩn, vận hành hoặc duy trì phương pháp phát hiện rò rỉ theo hướng dẫn của nhà sản xuất.	0400-18-01-.04(1)(a)2	Phát hiện Rò rỉ (Tổng quát)
Không áp dụng phương pháp phát hiện rò rỉ đáp ứng các yêu cầu về hiệu suất đối với bồn chứa hoặc hệ thống đường ống.	0400-18-01-.04(1)(a)3	Phát hiện Rò rỉ (Tổng quát)
Không theo dõi bồn chứa ít nhất 30 ngày một lần, nếu thích hợp.	0400-18-01-.04(2)(a)	Phát hiện Rò rỉ (Tổng quát)
Không trang bị bất kỳ biện pháp phát hiện rò rỉ nào cho đường ống ngầm.	0400-18-01-.04(2)(b)	Phát hiện Rò rỉ (Hệ thống đường ống)
Không lắp đặt thiết bị phát hiện rò rỉ đường ống cho hệ thống đường ống ngầm có áp suất.	0400-18-01-.04(2)(b)1(i)	Phát hiện Rò rỉ (Hệ thống Đường ống có Áp suất)
Không thực hiện kiểm thử độ kín khí đường ống hàng năm hoặc không theo dõi hàng tháng đối với đường ống ngầm có áp suất	0400-18-01-.04(2)(b)1(ii)	Phát hiện Rò rỉ (Hệ thống Đường ống có Áp suất)
Không tuân thủ theo các quy định khắc phục chung.	0400-18-01-.06	Ứng phó với Rò rỉ Xăng dầu, Hành động Khắc phục và Quản trị Rủi ro
Ban phụ trách không được thông báo về việc đóng bồn chứa.	0400-18-01-.07(4)(a)1-2	Hệ thống UST Ngừng Hoạt động và Đóng Bồn chứa
Không lấy mẫu khi đóng hệ thống.	0400-18-01-.07(5)(a)-(b)	Hệ thống UST Ngừng Hoạt động và Đóng Bồn chứa
Không đăng ký bồn chứa ngầm theo quy định.	Chú giải Bộ luật Tiểu bang Tennessee § 68-215-106(a)	Chú giải Bộ luật Tiểu bang Tennessee
Tiếp nhận xăng dầu vào (các) hệ thống bồn chứa xăng dầu ngầm ở những nơi mà Ban phụ trách đã gắn thẻ hoặc thông báo cho các trụ bơm hoặc hòng nạp hoặc đã được đưa vào danh sách Cấm Nạp Nhiên liệu trên website.	Chú giải Bộ luật Tiểu bang Tennessee §§ 68-215-106(c) và (e) 0400-18-01-.10(6)(a)	Thu Lệ phí
Tháo Thẻ đỏ Bất hợp pháp	Chú giải Bộ luật Tiểu bang Tennessee § 68-215-106(c)-(d)	Chú giải Bộ luật Tiểu bang Tennessee

PHỤ LỤC B – Văn bản Thông báo Vi phạm (Xem mẫu văn bản để biết định dạng)

NGÀY

NGƯỜI BỊ KHIẾU NẠI
TÊN ĐƯỜNG
THÀNH PHỐ, TIỂU BANG, MÃ BƯU CHÍNH

Tiêu đề: Thông báo Vi phạm THƯ BẢO ĐẢM #
CƠ SỞ
TÊN ĐƯỜNG
THÀNH PHỐ, TIỂU BANG, MÃ BƯU CHÍNH
Vụ việc số USTYY-XXXX, Mã ID Cơ sở X-XXXXXX

Kính gửi ÔNG/BÀ:

Vào NGÀY, cán bộ nhân viên Ban phụ trách Bồn chứa Ngầm (Ban phụ trách) đã thực hiện kiểm tra tuân thủ tại cơ sở có tên nêu trên. Trong quá trình kiểm tra, (các) vi phạm sau đây đã được phát hiện mà chưa được khắc phục, do vậy đã được chuyển đến bộ phận xử lý vi phạm của Ban phụ trách để xem xét.

- Vi phạm #1: Không đóng bồn chứa không đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định 1200-1-15-.02(4)(c)6(ii). Cụ thể là hệ thống dòng điện ngoài đã bị mất điện kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2010. Do đó, bồn chứa sẽ được đóng vĩnh viễn.
- Yêu cầu khắc phục
- Vi phạm #2: Không thực hiện biện pháp phát hiện rò rỉ ở bồn chứa theo quy định 1200-1-15-.04(2)(a). Cụ thể là chưa từng thực hiện biện pháp phát hiện rò rỉ ở bồn chứa dầu diesel mặc dù bồn chứa lưu trữ hai mươi bốn (24) inch sản phẩm.
- Yêu cầu khắc phục
- Vi phạm #3: Không kiểm thử hệ thống bảo vệ chống ăn mòn ba (3) năm một lần theo quy định 1200-1-15-.02(4)(c)2(i). Cụ thể là không cung cấp kết quả kiểm thử hệ thống bảo vệ chống ăn mòn gần đây nhất tại thời điểm kiểm tra.
- Yêu cầu khắc phục
- Vi phạm #4: Không bảo trì hệ thống bảo vệ chống ăn mòn đúng cách theo quy định 1200-1-15-.02(4)(c)4. Cụ thể là bộ chỉnh lưu của hệ thống bảo vệ cathode đã bị mất điện và không có nhật ký kiểm tra nào được hoàn thành trong năm ngoài.
- Yêu cầu khắc phục
- Vi phạm #5: Không đáp ứng các yêu cầu vận hành về chống tràn đổ theo quy định 1200-1-15-.02(3)(b)4. Cụ thể là đã không thực hiện việc kiểm tra thiết bị chống tràn đổ hàng tháng và ghi nhật chống tràn đổ sau đó.
- Yêu cầu khắc phục
- Vi phạm #6: Không đáp ứng các yêu cầu về phát hiện rò rỉ theo quy định 1200-1-15-.04(1)(g). Cụ thể là đã không thực hiện việc kiểm tra trụ bơm hàng quý và ghi nhật ký trụ bơm sau đó.
- Yêu cầu khắc phục
- Vi phạm #7: Không hợp tác với Ban phụ trách theo quy định 1200-1-15-.03(2).

Nếu các vi phạm nêu trên không được khắc phục, có thể áp dụng các khoản phạt dân sự với tổng số tiền phạt hiện tại là mười nghìn tám trăm sáu mươi đô la (\$10.860,00) như sau:

- Vi phạm #1: Một (1) vi phạm chịu mức phạt là hai nghìn năm trăm đô la (\$2.500,00) cho mỗi cơ sở vì không cung cấp hệ thống bảo vệ cathode liên tục.
- Vi phạm #2: Một (1) vi phạm chịu mức phạt là hai nghìn bốn trăm đô la (\$2.400,00) cho mỗi cơ sở do không thực hiện biện pháp phát hiện rò rỉ.
- Vi phạm #3: Một (1) vi phạm chịu mức phạt là một nghìn đô la (\$1.000,00) cho mỗi UST vì không bảo trì hệ thống bảo vệ chống ăn mòn đúng cách.
- Vi phạm #4: Ba (3) vi phạm riêng biệt chịu mức phạt là hai trăm năm mươi đô la (\$250,00) cho mỗi lần kiểm tra với tổng số tiền là bảy trăm năm mươi đô la (\$750,00) vì không bảo trì hệ thống bảo vệ chống ăn mòn đúng cách.
- Vi phạm #5: Mười hai (12) vi phạm riêng biệt chịu mức phạt là một trăm đô la (\$100,00) mỗi thùng tràn/tháng với tổng mức phạt là một nghìn hai trăm đô la (\$1.200,00) vì không ghi và lưu giữ nhật ký kiểm tra chống tràn đổ.
- Vi phạm #6: Bốn (4) vi phạm riêng biệt chịu mức phạt là ba trăm đô la (\$300,00) mỗi lần kiểm tra/quý với tổng số tiền là một nghìn hai trăm đô la (\$1.200,00) vì không duy trì các đợt kiểm tra trụ bơm hàng quý và không lưu giữ nhật ký trụ bơm.
- Vi phạm #7: Phạt bổ sung thêm 20% cho mỗi vi phạm tồn đọng vì không hợp tác với tổng số tiền là một nghìn tám trăm mười đô la (\$1.810,00).

Vui lòng hỗ trợ Ban phụ trách bằng cách gửi tài liệu nêu chi tiết mọi chỉnh sửa cần thiết đến văn phòng này **theo đúng hạn NGÀY**. Nếu vi phạm không được giải quyết kịp thời, sẽ có một Mệnh lệnh Hành chính được ban hành, các khoản phạt dân sự sẽ được áp dụng và nếu mệnh lệnh này có hiệu lực cuối cùng thì Ban phụ trách sẽ xếp cơ sở này vào danh sách "Cấm Tiếp nhận Nhiên liệu" và gắn thẻ đỏ vào các bồn chứa ngầm. Để tránh khả năng xảy ra bất kỳ gián đoạn nào trong việc tiếp nhận nhiên liệu cho doanh nghiệp này, chúng tôi yêu cầu quý vị ngay lập tức áp dụng các biện pháp phòng ngừa thích hợp hoạt động trở lại để bảo vệ các UST không bị rò rỉ và để nhanh chóng phát hiện bất kỳ hiện tượng rò rỉ nào.

Chúng tôi cam kết hợp tác với quý vị để giúp quý vị đưa cơ sở tuân thủ trở lại và đạt được mục tiêu chung là nhằm lưu trữ xăng dầu an toàn tại Tiểu bang Tennessee. Chúng tôi mong nhận được sự hỗ trợ của quý vị để cùng chung tay bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên của chúng ta vì các bồn chứa bị rò rỉ có thể làm ô nhiễm nguồn nước uống của Tiểu bang Tennessee hoặc gây ra các nguy hại đáng kể về an toàn, và chi phí dọn sạch ngay cả những trường hợp rò rỉ nhỏ cũng có thể rất cao.

Nếu quý vị có bất kỳ câu hỏi nào về công văn này, vui lòng gọi cho tôi theo số điện thoại 615-532-XXXX.

Trân trọng cảm ơn!

PHỤ TRÁCH VỤ VIỆC, CHỨC DANH
Ban phụ trách Bồn chứa Ngầm

PHỤ LỤC C – Chuyển Vụ việc về Gây ô nhiễm/Đóng cửa

**CÔNG VĂN CỦA VĂN PHÒNG
Sở Môi trường và Bảo tồn Tennessee
Ban phụ trách Bồn chứa Ngâm**

Ngày:

Đến: Bộ phận Xử lý Vi phạm

Từ: Người Phụ trách Vụ việc (Tên và chữ ký) _____

EFOM (Tên và chữ ký) _____

Tiêu đề: Chuyển Vụ việc về Gây ô nhiễm/Đóng cửa (khoanh tròn phương án thích hợp)

Mã ID Cơ sở # _____

Tên Cơ sở: _____

(Các) Nguy hại được Phát hiện, Chưa được Giải quyết và được chuyển hồ sơ để áp dụng CHẾ TÀI XỬ LÝ. Chủ sở hữu/người vận hành đã không giải quyết mỗi nguy hại, và tác động đang xảy ra đã được ghi chép lại. Đã bao gồm trình tự thích hợp.

(Các) Vi phạm được Phát hiện và được chuyển hồ sơ để áp dụng CHẾ TÀI XỬ LÝ. Chủ sở hữu/người vận hành đã không giải quyết (các) vi phạm và/hoặc các vi phạm không thể khắc phục được. Đã bao gồm trình tự thích hợp.

Các Sai sót được Phát hiện và được chuyển hồ sơ để áp dụng CHẾ TÀI XỬ LÝ. Đã bao gồm trình tự thích hợp.

Các Vi phạm/Sai sót Đã được Giải quyết:

1. _____

2. _____

Các Vi phạm/Sai sót Không được Giải quyết:

1. _____

2. _____

NHẬN XÉT:

PHỤ LỤC D – Chuyển Vụ việc Nợ Lệ phí của Chủ sở hữu Trước

**CÔNG VĂN CỦA VĂN PHÒNG
Sở Môi trường và Bảo tồn Tennessee
Ban phụ trách Bồn chứa Ngầm**

Ngày: **Ngày 5 tháng 6 năm 2020**

Đến: **Bộ phận Xử lý Vi phạm**

Từ:

Tiêu đề: **Nợ Lệ phí Chưa Thanh toán**

Chủ sở hữu Bồn chứa Trước hoặc
Chủ sở hữu tại thời điểm Đóng Bồn chứa:

Mã ID Cơ sở #:

Tên Cơ sở:

Các tài liệu sau đây được đính kèm:

Bảng tổng hợp lệ phí bồn chứa, tiền phạt và lãi suất đã quá hạn;

Số năm nợ: _____

Biểu mẫu thông báo cho biết các bồn chứa đã được chuyển khỏi tên của chủ sở hữu trước;

Bản sao các hóa đơn đã được gửi cho chủ sở hữu trước; và

Các tài liệu khác: [Đính kèm bất kỳ tài liệu nào khác có liên quan và nêu rõ ở đây.] _____

NHẬN XÉT:

[Giải thích lịch sử mua bán bồn chứa hoặc bất kỳ thông tin nào khác có liên quan.]

PHỤ LỤC E – Những Sai sót Lớn cần Chuyển hồ sơ Xử lý Vi phạm bằng Hành động Khắc phục

Vị trí mũi khoan đất

Lấy mẫu đất

Lắp đặt giếng (Vị trí, lắp đặt sàng lọc, v.v.)

Khảo sát đo đạc

Lấy mẫu nguồn nước ngầm

Đổ thải đất/nước

Quy trình Vận hành và Bảo dưỡng (O & M) hoặc O & M

PHỤ LỤC F – Yêu cầu Gia hạn Hợp lý để Chuyển hồ sơ Áp dụng Chế tài Xử lý bằng Hành động Khắc phục

Các vấn đề về Cấp quyền Ra vào (GOA) – bên chịu trách nhiệm đã cố gắng xin GOA từ chủ sở hữu tài sản (Nếu sau đó Ban phụ trách không thể có được quyền ra vào, thì nên chuyển hồ sơ sang Văn phòng Tổng Chương lý để được hỗ trợ xin cấp quyền ra vào từ chủ sở hữu tài sản.)

Các vấn đề về giấy phép – chính quyền địa phương, tiểu bang hoặc liên bang

Các sự cố về đấu nối điện hoặc tiện ích khác

Bên chịu trách nhiệm thiếu năng lực, nên sẽ chuyển hồ sơ tới LUST TRUST

Đang chờ Phê duyệt/Từ chối việc Chuyển hồ sơ Ưu tiên Vụ việc

Các Vấn đề Đặc biệt:

Bên chịu trách nhiệm hoặc bên tư vấn có đề xuất về một công nghệ khác hoặc sửa đổi đối với các yêu cầu của Ban phụ trách, có thể cần phải Đánh giá Ngang hàng trước khi chuyển hồ sơ áp dụng chế tài xử lý.

Các dự án đang được kiểm toán hoặc đánh giá pháp lý

PHỤ LỤC G – Nguyên tắc Tính toán Khoản phạt do Không Hợp tác

Hành vi không hợp tác với Ban phụ trách theo Quy định 0400-18-01-.03(2) sẽ bị phạt như sau:

Đối với bất kỳ mệnh lệnh tiêu chuẩn nào của giám đốc được ban hành, khoản phạt dân sự cho mỗi vi phạm chưa giải quyết sẽ được áp dụng tăng 20% vì hành vi cố ý và/hoặc khinh suất dựa trên Quy trình Tính toán Khoản phạt Dân sự của TDEC (xem các trang 14-17).

PHỤ LỤC H – Mẫu Công văn Đóng Vụ việc mà Không có Phán quyết

[Tên Người bị Khiếu nại]

Kính gửi Tên Đại lý đã Đăng ký hoặc Người bị Khiếu nại, Địa chỉ Đại lý đã Đăng ký
Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính của Người bị Khiếu nại

Tiêu đề: Yêu cầu Áp dụng Chế tài Xử lý

Tên Cơ sở

Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính của Cơ sở

Mã ID Cơ sở 0-000000

Vụ việc # EAR-00000

Kính gửi Tên Người bị Khiếu nại

Vào NGÀY KIỂM TRA, Ban phụ trách đã thực hiện kiểm tra tại cơ sở có tên nêu trên. Vào hoặc khoảng NGÀY EAR ĐƯỢC CHUYỂN HỒ SƠ, một Yêu cầu Áp dụng Chế tài Xử lý (EAR) đã được gửi đến Văn phòng Thực địa Nashville để xem xét. Dưới đây là các vi phạm được nêu trong EAR cũng như thư phản hồi được gửi để giải quyết từng vi phạm:

Vi phạm #0: Không ... theo Quy định 0400-18-01-... Cụ thể vào thời điểm kiểm tra, ...

Trả lời: Vào NGÀY, Ban phụ trách đã tiếp nhận ...

Vi phạm #0: Không ... theo Quy định 0400-18-01-... Cụ thể vào thời điểm kiểm tra, ...

Trả lời: Vào NGÀY, Ban phụ trách đã tiếp nhận ...

Dựa vào các thư trả lời đã gửi, Ban phụ trách đã quyết định đóng yêu cầu chuyển hồ sơ này mà không ra phán quyết. Do vậy, trường hợp kiểm tra này được đóng lại.

Nếu quý vị có bất kỳ câu hỏi nào về vấn đề này, vui lòng gọi cho TÊN CỦA QUÝ VỊ theo số điện thoại (XXX) XXX-XXXX.

Trân trọng cảm ơn!

Rhonda L. Key
Quản lý Môi trường 4

Đồng kính gửi: Bộ phận Hồ sơ xử lý vi phạm
Văn phòng Thực địa Bảo vệ Môi trường KHU VỰC NƠI ĐẶT CƠ SỞ

CO-020

PHỤ LỤC J – SIÊU LIÊN KẾT ĐẾN MA TRẬN KHOẢN PHẠT

- 0400-18-01-.01 Phạm vi Chương trình, Định nghĩa và Thông tin Độc quyền
- 0400-18-01-.02 Hệ thống UST: Lắp đặt và Vận hành [Phần 02](#)
- 0400-18-01-.03 Thông báo, Báo cáo và Lưu giữ Hồ sơ [Phần 03](#)
- 0400-18-01-.04 Phát hiện Rò rỉ [Phần 04](#)
- 0400-18-01-.05 Báo cáo Rò rỉ, Điều tra và Xác nhận [Phần 05](#)
- 0400-18-01-.06 Ứng phó với Rò rỉ Xăng dầu, Hành động Khắc phục và Quản trị Rủi ro [Phần 06](#)
- 0400-18-01-.07 Hệ thống UST Ngừng Hoạt động và Đóng Bồn chứa [Phần 07](#)
- 0400-18-01-.08 Trách nhiệm Tài chính
- 0400-18-01-.09 Quỹ Bồn chứa Xăng dầu Ngầm
- 0400-18-01-.10 Thu Lệ phí [Phần 10](#)
- 0400-18-01-.11 Kháng cáo
- 0400-18-01-.12 Chỉ dẫn Quyền sở hữu [Phần 12](#)
- 0400-18-01-.13 Dự trữ
- 0400-18-01-.14 Ban phụ trách Lưu giữ Hồ sơ
- 0400-18-01-.15 Tiếp nhận Sản phẩm Xăng dầu
- 0400-18-01-.16 Chương trình Người vận hành có Chứng nhận [Phần 16](#)
- 0400-18-01-.17 Hệ thống UST có Bồn chứa Chế tạo tại Thực địa và Hệ thống Cứu hỏa Sân bay

PHỤ LỤC K – MA TRẬN KHOẢN PHẠT

	2018	NGƯỜI KIỂM TRA	MÔ TẢ VI PHẠM	NHÂN TỐ ĐIỀU CHỈNH	KHOẢN PHẠT MỚI	NGUY CƠ GÂY HẠI	SAI PHẠM SO VỚI QUY ĐỊNH
1	0400-18-01-.02(1)(a)1	Chỉ dành cho Chủ sở hữu Ban đầu	Không nộp biểu mẫu thông báo trước lắp đặt trước khi thực hiện lắp đặt/xây dựng	HỆ THỐNG UST	\$100	Nhỏ	Nhỏ
2	0400-18-01-.02(1)(b)		Không lắp đặt bồn chứa theo hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất	BỒN CHỨA	\$2.000	Trung bình	Trung bình
3	0400-18-01-.02(1)(b)		Không lắp đặt đường ống theo hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$2.000	Trung bình	Trung bình
4	0400-18-01-.02(1)(b)		Không lắp đặt thiết bị phụ trợ và hệ thống thùng chứa theo hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất	CÁC BỘ PHẬN KHÁC CỦA HỆ THỐNG	\$2.000	Trung bình	Trung bình
5	0400-18-01-.02(1)(c)		Không trang bị thùng chứa phụ cho các bồn chứa được lắp đặt sau ngày 25 tháng 7 năm 2007	BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
6	0400-18-01-.02(1)(c)		Không trang bị khoang chứa phụ cho hệ thống đường ống được lắp đặt sau ngày 25 tháng 7 năm 2007	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$3.200	Trung bình	Lớn
7	0400-18-01-.02(1)(c)		Không trang bị thùng chứa phụ cho trụ bơm nhiên liệu động cơ được lắp đặt sau ngày 25 tháng 7 năm 2007	HỆ THỐNG UST	\$1.200	Trung bình	Nhỏ
8	0400-18-01-.02(1)(d)1		Tiếp nhận Xăng dầu vào (các) hệ thống bồn chứa ngầm khi chưa nộp biểu mẫu thông báo cho Ban phụ trách	Xem SOP Xử lý Vi phạm để biết Khoản phạt			
9	0400-18-01-.02(1)(d)2		Không trang bị thiết bị chống tràn đổ và đầy tràn cho (các) bồn chứa ngầm trước khi tiếp nhận sản phẩm vào khoang bồn chứa.	KHOANG BỒN CHỨA			

10	0400-18-01-.02(1)(d)3	Không cung cấp > 4 tháng	Không tiến hành phát hiện rò rỉ trên các UST chứa hơn 1 inch sản phẩm trong quá trình lắp đặt	KHOANG BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
11		Không cung cấp 4 tháng trở xuống		KHOANG BỒN CHỨA/THÁNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
12	0400-18-01-.02(1)(d)4		Không bắt đầu thực hiện biện pháp phát hiện rò rỉ ngay lập tức theo Quy định 0400-18-01-.04 nếu bồn chứa hoặc khoang bồn chứa có hơn hai phẩy năm (2,5 cm, tức là một (1) inch) sản phẩm	Trích dẫn .02(1)(d)3 XEM CÁC DÒNG 10 & 11			
13	0400-18-01-.02(1)(d)4		Không bảo vệ chống ăn mòn ngay lập tức cho (các) hệ thống UST theo mục (4) của quy định này.	Trích dẫn .02(4)(a) XEM DÒNG 46			
14	0400-18-01-.02(1)(d)5	Chỉ dành cho Chủ sở hữu Ban đầu	Không thực hiện kiểm thử độ kín khí bồn chứa khi hoàn thành quá trình lắp đặt và trước khi bơm nhiên liệu	BỒN CHỨA	\$1.200	Trung bình	Nhỏ
15	0400-18-01-.02(1)(d)5	Chỉ dành cho Chủ sở hữu Ban đầu	Không thực hiện kiểm thử độ kín khí đường ống khi hoàn thành quá trình lắp đặt và trước khi bơm nhiên liệu	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$1.200	Trung bình	Nhỏ
16	0400-18-01-.02(1)(d)6	Trường hợp không có hồ sơ, xác định là không thực hiện theo quy định	Không lưu giữ kết quả kiểm thử độ kín khí đường ống và bồn chứa khi hoàn thành quá trình lắp đặt và trước khi bơm nhiên liệu	Trích dẫn .02(1)(d)5 XEM DÒNG 14 & 15			
17	0400-18-01-.02(1)(e)	Bao gồm tất cả các hệ thống UST @ lắp đặt - Chỉ dành cho Chủ sở hữu Ban đầu	Không có chứng nhận lắp đặt trong vòng 15 ngày sau khi hoàn thành quá trình lắp đặt	MỖI LẦN LẮP ĐẶT	\$100	Nhỏ	Nhỏ
18	0400-18-01-.02(2)(a)1		Không sử dụng bồn chứa có vách kép hoặc có lớp bảo vệ với không gian khe hở trên các bồn chứa được lắp đặt sau ngày 25 tháng 7 năm 2007.	BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
19	0400-18-01-.02(2)(a)2		Các bồn chứa lắp đặt sau ngày 25 tháng 7 năm 2007 không đáp ứng các yêu cầu về theo dõi khe hở theo Quy định 0400-18-01-.04(3)(g)1	Trích dẫn .02(2)(a) 5 XEM DÒNG 22 & 23			

20	0400-18-01-.02(2)(a)3		Bồn chứa không áp dụng biện pháp ngăn ngừa rò rỉ xăng dầu ra môi trường trong suốt vòng đời hoạt động của bồn chứa ngầm	KHOANG BỒN CHỨA	\$8.000	Lớn	Lớn
21	0400-18-01-.02(2)(a)4		Bồn chứa không chứa được chất rò rỉ cho đến khi được phát hiện và loại bỏ	HỆ THỐNG UST	\$8.000	Lớn	Lớn
22	0400-18-01-.02(2)(a)5	Không cung cấp > 4 tháng	Không có biện pháp theo dõi rò rỉ ít nhất 30 ngày một lần đối với các bồn chứa được lắp đặt sau ngày 25 tháng 7 năm 2007	KHOANG BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
23		Không cung cấp 4 tháng trở xuống		KHOANG BỒN CHỨA/THÁNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
24	0400-18-01-.02(2)(b)1		Đường ống lắp đặt sau ngày 25 tháng 7 năm 2007 không sử dụng 100% vách kép hoặc không có thùng chứa phụ với một vách đơn có bể gom	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$3.200	Trung bình	Lớn
25	0400-18-01-.02(2)(b)2		Đường ống lắp đặt sau ngày 25 tháng 7 năm 2007 không đáp ứng các yêu cầu về theo dõi khe hở theo Quy định 0400-18-01-.04(3)(g)1	Trích dẫn .02(2)(b)5 XEM DÒNG 28			
26	0400-18-01-.02(2)(b)3		Hệ thống đường ống không áp dụng biện pháp ngăn ngừa rò rỉ xăng dầu ra môi trường trong suốt vòng đời hoạt động của hệ thống đường ống	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$8.000	Lớn	Lớn
27	0400-18-01-.02(2)(b)4		Hệ thống đường ống không chứa được chất rò rỉ cho đến khi được phát hiện và loại bỏ	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$8.000	Lớn	Lớn
28	0400-18-01-.02(2)(b)5	Chỉ áp dụng cho hồ sơ theo dõi hàng tháng	Hệ thống đường ống lắp đặt sau ngày 25 tháng 7 năm 2007 không áp dụng biện pháp theo dõi rò rỉ ít nhất 30 ngày một lần	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$2.000	Trung bình	Trung bình
29	0400-18-01-.02(2)(c)1		Các trụ bơm nhiên liệu động cơ lắp đặt sau ngày 25 tháng 7 năm 2007 không có bể gom thùng chứa kín khít với chất lỏng ở các bên, đáy và tại bất kỳ điểm lắp phụ kiện bịt kín nào	TRỤ BƠM	\$1.200	Trung bình	Nhỏ
30	0400-18-01-.02(2)(c)2		Các trụ bơm nhiên liệu động cơ lắp đặt sau ngày 25 tháng 7 năm 2007 không có bể gom thùng chứa tương thích với loại nhiên liệu được lưu trữ trong hệ thống UST	TRỤ BƠM	\$1.200	Trung bình	Nhỏ

31	0400-18-01-.02(2)(c)3		Bể gom thùng chứa không được thiết kế để cho phép kiểm tra trực quan và tiếp cận các bộ phận của hệ thống thùng chứa, bao gồm cả hệ thống được sử dụng cho đường ống, và được theo dõi theo Quy định 0400-18-01-.04(1)(f)	BỂ GOM	\$2.000	Trung bình	Trung bình
32	0400-18-01-.02(3)(a)1(i)		Không sử dụng thiết bị chống tràn đổ giúp ngăn ngừa rò rỉ xăng dầu ra môi trường khi vòi tiếp nhận được ngắt khỏi ống nạp	BỒN CHỨA	\$2.000	Trung bình	Trung bình
33	0400-18-01-.02(3)(a)1(ii)		Không sử dụng thiết bị chống đầy tràn giúp tự động ngắt dòng chảy vào bồn chứa khi bồn chứa đạt mức đầy tối đa chín mươi lăm phần trăm (95%); cảnh báo cho người vận hành tiếp nhận nhiên liệu khi bồn chứa đạt mức đầy tối đa chín mươi phần trăm (90%) bằng cách hạn chế dòng chảy vào bồn chứa hoặc kích hoạt báo động mức cao; hoặc hạn chế dòng chảy 30 phút trước khi đầy tràn, cảnh báo cho người vận hành tiếp nhận nhiên liệu bằng báo động mức cao một phút trước khi đầy tràn, hoặc tự động ngắt dòng chảy vào bồn chứa để không có phụ kiện nào nằm trên nóc bồn chứa tiếp xúc với sản phẩm do bị đầy tràn.	BỒN CHỨA	\$2.000	Trung bình	Trung bình
34	0400-18-01-.02(3)(a)3		Sử dụng thiết bị hạn chế dòng chảy trong các đường ống thông khí khi thay thế hoặc lắp đặt thiết bị chống đầy tràn vào hoặc sau ngày 13 tháng 10 năm 2021.	HIẾT BỊ CHỐNG ĐẦY TRÀN	\$2.000	Trung bình	Trung bình
35	0400-18-01-.02(3)(a)4		Không thực hiện kiểm thử thiết bị chống tràn đổ và đầy tràn theo Quy định 0400-18-01-.02(3)(c)	Trích dẫn .02(3)(c) XEM DÒNG 45			
36	0400-18-01-.02(3)(b)1		Không ngăn ngừa rò rỉ do tràn đổ và đầy tràn trong thời gian UST được sử dụng để lưu trữ xăng dầu.	KHOANG BỒN CHỨA	\$8.000	Lớn	Lớn
37	0400-18-01-.02(3)(b)2		Không sử dụng nắp thùng tràn trong tình trạng tốt và không tiếp xúc với nắp ống nạp	KHOANG BỒN CHỨA	\$100	Nhỏ	Nhỏ
38	0400-18-01-.02(3)(b)3	>50% đầy	Không giữ cho khoang thu gom tràn đổ luôn sạch nước, bụi bẩn, mảnh vụn, v.v.	KHOANG BỒN CHỨA	\$200	Nhỏ	Trung bình

39	0400-18-01-.02(3)(b)4		Không kiểm tra khoang thu gom ít nhất là hàng tháng và duy trì nhật ký kiểm tra hàng tháng trong 12 tháng gần nhất	HỆ THỐNG UST/ MỖI THÁNG	\$100	Nhỏ	Nhỏ
40	0400-18-01-.02(3)(b)5	Trên 25 gallon	Không báo cáo, điều tra và dọn sạch mọi sự cố tràn đổ và đầy tràn theo Quy định 0400-18-01-.05(4)	Trích dẫn .05(4)(a) XEM DÒNG 239			
41		Dưới 25 gallon		Trích dẫn .05(4)(b) XEM DÒNG 240			
42	0400-18-01-.02(3)(b)6		Không vận hành và duy trì thiết bị chống đầy tràn ở tình trạng hoạt động tốt theo thông số kỹ thuật của nhà sản xuất.	Trích dẫn .02(3)(a)1(ii) XEM DÒNG 33			
43	0400-18-01-.02(3)(c)1	Đối với các hệ thống được đưa vào sử dụng sau ngày 13/10/2018, điều này áp dụng khi lắp đặt.	Không theo dõi thiết bị chống tràn đổ cho các hệ thống UST không kém thường xuyên hơn so với các cuộc kiểm tra toàn diện được thực hiện, hoặc không kiểm thử thiết bị chống tràn đổ ít nhất là ba (3) năm một lần	Khoang Bồn chứa	\$2.000	Trung bình	Trung bình
44	0400-18-01-.02(3)(c)2	Đối với các hệ thống được đưa vào sử dụng vào hoặc trước ngày 13/10/2018, điều này áp dụng không muộn hơn ngày 13/10/2021	Không kiểm tra thiết bị chống đầy tràn ít nhất là ba năm một lần.	Khoang Bồn chứa	\$2.000	Trung bình	Trung bình
45	0400-18-01-.02(3)(d)		Không lưu giữ hồ sơ kiểm tra và kiểm thử thiết bị chống tràn đổ và thiết bị chống đầy tràn trong thời gian ba năm.	Trích dẫn .02(3)(c)1 & 2 XEM CÁC DÒNG 43 & 44			
46	0400-18-01-.02(4)(a)		Không sử dụng biện pháp bảo vệ chống ăn mòn được thiết kế và xây dựng và/hoặc nâng cấp phù hợp.	BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
47	0400-18-01-.02(4)(a)1	Trích dẫn .02(4)(a)	Lắp đặt bồn chứa bằng nhựa gia cố sợi thủy tinh được xây dựng không đúng cách	Trích dẫn .02(4)(a) XEM DÒNG 46			
48	0400-18-01-.02(4)(a)2(i)	Trích dẫn .02(4)(a)	Lắp đặt bồn chứa bằng kim loại với lớp phủ điện môi không phù hợp	Trích dẫn .02(4)(a) XEM DÒNG 46			

49	0400-18-01-.02(4)(a)2(ii)	Trích dẫn .02(4)(a)	Không sử dụng hệ thống bảo vệ cathode được lắp đặt trên thực địa do chuyên gia chống ăn mòn thiết kế	Trích dẫn .02(4)(a) XEM DÒNG 46			
50	0400-18-01-.02(4)(a)2(iii)	Trích dẫn .02(4)(a)	Không sử dụng hệ thống dòng điện ngoài được thiết kế để cho phép xác định trạng thái hoạt động hiện tại	Trích dẫn .02(4)(a) XEM DÒNG 46			
51	0400-18-01-.02(4)(a)2(iv)	Trích dẫn .02(4)(a)	Vận hành và bảo trì hệ thống bảo vệ cathode bồn chứa không đúng cách	Trích dẫn .02(4)(a) XEM DÒNG 46			
52	0400-08-01-.02(4)(a)2(v)		Không đảm bảo tình trạng nguyên vẹn của bồn chứa trước khi lắp đặt các biện pháp bảo vệ chống ăn mòn	BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
53	0400-18-01-.02(4)(a)2(v)(I)		Không thực hiện kiểm tra và đánh giá nội bộ để đảm bảo bồn chứa có kết cấu chắc chắn trước khi lắp đặt hệ thống bảo vệ cathode bồn chứa	Trích dẫn .02(4)(a)2(v) XEM DÒNG 52	\$3.200	Trung bình	Lớn
54	0400-18-01-.02(4)(a)2(v)(II)	Không cung cấp > 4 tháng	Không thực hiện theo dõi liên tục hàng tháng trước khi nâng cấp bồn chứa có hệ thống bảo vệ cathode	KHOANG BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
55		Không cung cấp 4 tháng trở xuống		KHOANG BỒN CHỨA/THÁNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
56	0400-18-01-.02(4)(a)2(v)(III)I. & II	Phải thực hiện kiểm thử cả trước và sau khi lắp đặt	Không đáp ứng các yêu cầu về kiểm thử độ kín khí đối với bồn chứa được nâng cấp hệ thống bảo vệ cathode	KHOANG BỒN CHỨA	\$2.000	Trung bình	Trung bình
57	0400-18-01-.02(4)(a)2(v)(IV)		Không đáp ứng các yêu cầu về kiểm thử lỗ ăn mòn đối với bồn chứa được nâng cấp hệ thống bảo vệ cathode bằng Phương pháp Thay thế của Tiểu bang Tennessee	Trích dẫn .02(4)(a)2(v) XEM DÒNG 52			
58	0400-18-01-.02(4)(a)3(i)		Không lắp đặt lớp lót theo tất cả các quy trình và thông lệ	BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
59	0400-18-01-.02(4)(a)3(i)(I)		Không lắp đặt lớp lót để ngăn rò rỉ hiệu quả trong suốt vòng đời hoạt động của bồn chứa	Trích dẫn .02(4)(a)3(i) XEM DÒNG 58			

60	0400-18-01-.02(4)(a)3(i)(II)		Không đảm bảo rằng vật liệu lớp lót tương thích với sản phẩm được lưu trữ	Trích dẫn .02(4)(a)3(i) XEM DÒNG 58			
61	0400-18-01-.02(4)(a)3(i)(III)		Không đảm bảo vỏ bồn có kết cấu chắc chắn trước khi lắp đặt lớp lót	Trích dẫn .02(4)(a)3(i) XEM DÒNG 58			
62	0400-18-01-.02(4)(a)3(i)(IV)		Không tuân theo hướng dẫn của nhà sản xuất lớp lót trong quá trình lắp đặt lớp lót	Trích dẫn .02(4)(a)3(i) XEM DÒNG 58			
63	0400-18-01-.02(4)(a)3(i)(V)		Không thực hiện kiểm thử độ kín khít bồn chứa sau khi lắp đặt lớp lót và trước khi đưa hệ thống vào vận hành	BỒN CHỨA	\$1.200	Trung bình	Nhỏ
64	0400-18-01-.02(4)(a)3(i)(VI)		Không lưu giữ hồ sơ về các yêu cầu nâng cấp trong suốt vòng đời hoạt động của bồn chứa	HỆ THỐNG UST	\$100	Nhỏ	Nhỏ
65	0400-18-01-.02(4)(a)3(iii)		Không tuân thủ các yêu cầu nâng cấp đối với lớp lót bên trong khi thêm hệ thống bảo vệ cathode.	BỒN CHỨA	\$2.000	Trung bình	Trung bình
66	0400-18-01-.02(4)(a)3(iv)		Không đóng vĩnh viễn bồn chứa có lớp lót mà không có kết cấu chắc chắn hoặc lớp lót bị hỏng	Trích dẫn .07(2) XEM DÒNG 315			
67	0400-18-01-.02(4)(a)3(v)		Không đóng vĩnh viễn bồn chứa có lớp lót mà không thêm hệ thống bảo vệ CP theo thời hạn ngày 22 tháng 12 năm 2012	Trích dẫn .07(2) XEM DÒNG 315			
68	0400-18-01-.02(4)(a)5(i)		Không lập hồ sơ giải trình về việc không sử dụng hệ thống bảo vệ chống ăn mòn cho bồn chứa bằng kim loại	Trích dẫn .02(4)(a) XEM DÒNG 46			
69	0400-18-01-.02(4)(a)5(ii)		Không lưu giữ hồ sơ phân tích của Chuyên gia Chống ăn mòn về khả năng bị ăn mòn tại thực địa nếu không sử dụng thiết bị bảo vệ chống ăn mòn	Trích dẫn .02(4)(a) XEM DÒNG 46			
70	0400-18-01-.02(4)(a)6		Không sử dụng hệ thống bảo vệ kết cấu và chống ăn mòn bồn chứa được Ban phụ trách xác định là không bảo đảm khả năng bảo vệ sức khỏe con người và môi trường	Trích dẫn .02(4)(a) XEM DÒNG 46			
71	0400-18-01-.02(4)(b)	Chỉ liên quan tới đầu nối mềm & đã khắc phục	Không tuân thủ các yêu cầu liên quan đến công tác thiết kế, xây dựng, sử dụng và/hoặc nâng cấp	ĐẦU NỐI MỀM	\$200	Nhỏ	Trung bình

72		Hệ thống đường ống khác	hệ thống bảo vệ chống ăn mòn cho đường ống	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$3.200	Trung bình	Lớn
73	0400-18-01-.02(4)(b)1		Lắp đặt hệ thống đường ống mềm/đường ống bằng nhựa gia cố sợi thủy tinh được xây dựng không đúng cách	Trích dẫn .02(4)(b) XEM DÒNG 71 & 72			
74	0400-18-01-.02(4)(b)2		Không sử dụng hệ thống bảo vệ chống ăn mòn đường ống bằng thép, bao gồm cả đầu nối mềm	Trích dẫn .02(4)(b) XEM DÒNG 71 & 72			
75	0400-18-01-.02(4)(b)2(i)		Lắp đặt đường ống với lớp phủ điện môi không phù hợp	Trích dẫn .02(4)(b) XEM DÒNG 71 & 72			
76	0400-18-01-.02(4)(b)2(ii)		Hệ thống bảo vệ cathode lắp đặt trên thực địa cho đường ống có thiết kế không phù hợp	Trích dẫn .02(4)(b) XEM DÒNG 71 & 72			
77	0400-18-01-.02(4)(b)2(iii)		Hệ thống dòng điện ngoài cho đường ống kim loại không cho phép xác định trạng thái hoạt động hiện tại	Trích dẫn .02(4)(b) XEM DÒNG 71 & 72			
78	0400-18-01-.02(4)(b)2(iv)		Vận hành và bảo trì không đúng cách đối với hệ thống bảo vệ cathode cho đường ống bằng kim loại	Trích dẫn .02(4)(b) XEM DÒNG 71 & 72			
79	0400-18-01-.02(4)(b)3(i)		Không lập hồ sơ giải trình về việc không sử dụng hệ thống bảo vệ chống ăn mòn cho hệ thống đường ống bằng kim loại	Trích dẫn .02(4)(b) XEM DÒNG 71 & 72			
80	0400-18-01-.02(4)(b)3(ii)		Không lưu giữ hồ sơ phân tích của Chuyên gia Chống ăn mòn về khả năng bị ăn mòn tại thực địa nếu không sử dụng thiết bị bảo vệ chống ăn mòn	Trích dẫn .02(4)(b) XEM DÒNG 71 & 72			
81	0400-18-01-.02(4)(b)4		Không sử dụng hệ thống bảo vệ kết cấu và chống ăn mòn hệ thống đường ống được Ban phụ trách xác định là không bảo đảm khả năng bảo vệ sức khỏe con người và môi trường	Trích dẫn .02(4)(b) XEM DÒNG 71 & 72			

82	0400-18-01-.02(4)(b)5		Không sử dụng hệ thống bảo vệ chống ăn mòn cho đường ống nạp hoặc không có đường ống xả	MỖI BỘ PHẬN HỆ THỐNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
83	0400-18-01-.02(4)(c)1		Không vận hành và bảo trì hệ thống chống ăn mòn theo thiết kế của chuyên gia chống ăn mòn nhằm mang lại khả năng bảo vệ liên tục.	HỆ THỐNG BẢO VỆ CP	\$2.000	Trung bình	Trung bình
84	0400-18-01-.02(4)(c)2(i)		Không đảm bảo rằng hệ thống bảo vệ cathode được kiểm thử trong vòng 6 tháng kể từ khi lắp đặt và sau đó là 3 năm một lần.	KIỂM THỬ HỆ THỐNG BẢO VỆ CP	\$1.200	Trung bình	Nhỏ
85	0400-18-01-.02(4)(c)2(ii)		Không đảm bảo rằng hệ thống bảo vệ cathode hoạt động như thiết kế và chống ăn mòn hiệu quả	Trích dẫn .02(4)(c)1 XEM DÒNG 83			
86	0400-18-01-.02(4)(c)2(iii)		Không lưu giữ tất cả các hồ sơ kiểm thử hệ thống bảo vệ cathode theo yêu cầu	Trích dẫn .02(4)(c)2(i) XEM DÒNG 84			
87	0400-18-01-.02(4)(c)3		Không kiểm thử độ kín khí hệ thống UST sau 3 tháng nhưng không quá 6 tháng sau khi lắp đặt anode.	HỆ THỐNG UST	\$1.200	Trung bình	Nhỏ
88	0400-18-01-.02(4)(c)4	Chỉ đề cập nếu thiếu cả 3 lần kiểm tra và không bắt đầu kiểm tra	Không thực hiện kiểm tra các hệ thống bảo vệ chống ăn mòn bằng dòng điện ngoài 60 ngày một lần.	MỖI HỆ THỐNG IC	\$1.200	Trung bình	Nhỏ
89	0400-18-01-.02(4)(c)5(i)		Không lưu giữ kết quả của hai lần kiểm thử hệ thống bảo vệ cathode gần nhất	Trích dẫn .02(4)(c)2(i) XEM DÒNG 84			
90	0400-18-01-.02(4)(c)5(ii)	Chỉ dành cho Chủ sở hữu Ban đầu	Không lưu giữ hồ sơ về việc thêm anode hy sinh vào hệ thống hiện có trong vòng đời của hệ thống UST	SỬA CHỮA	\$100	Nhỏ	Nhỏ
91	0400-18-01-.02(4)(c)5(ii)		Không cung cấp hồ sơ về việc thêm anode hy sinh vào hệ thống hiện có cho chủ sở hữu mới tại thời điểm chuyển quyền sở hữu	Trích dẫn .03(2)(d) XEM DÒNG 161			

92	0400-18-01-.02(4)(c)5(iii)		Không lưu giữ kết quả kiểm thử độ kín khí theo yêu cầu tại 0400-18-01-.02(4)(c)3 trong vòng đời của hệ thống UST	Trích dẫn .02(4)(c)3 XEM DÒNG 87			
93	0400-18-01-.02(4)(c)5(iii)		Không cung cấp kết quả kiểm thử độ kín khí theo yêu cầu tại 0400-18-01-.02(4)(c)3 cho chủ sở hữu mới tại thời điểm chuyển quyền sở hữu	Trích dẫn .03(2)(d) XEM DÒNG 161			
94	0400-18-01-.02(4)(c)5(iv)	Hệ thống dòng Dòng điện ngoài	Không lưu giữ hồ sơ ba lần kiểm tra gần nhất đối với bộ chỉnh lưu của hệ thống bảo vệ cathode.	Trích dẫn .02(4)(c)4 XEM DÒNG 88			
95	0400-18-01-.02(4)(c)6(i)	Dừng hoạt động CP dưới 12 Tháng	Không thực hiện kiểm thử hệ thống bồn chứa trên hệ thống UST có hệ thống bảo vệ cathode bằng dòng điện ngoài bị dừng hoạt động hoặc đã không hoạt động trong dưới 12 tháng hoặc không thực hiện kiểm thử hệ thống bồn chứa lần thứ hai trong thời gian không dưới ba tháng và không quá sáu tháng sau khi hệ thống được đưa vào hoạt động trở lại.	HỆ THỐNG UST	\$1.200	Trung bình	Nhỏ
96	0400-18-01-.02(4)(c)6(ii)	Dừng hoạt động CP trên 12 Tháng	Không đóng vĩnh viễn hệ thống UST có hệ thống bảo vệ cathode bằng dòng điện ngoài bị dừng hoạt động hoặc không hoạt động trên 12 tháng hoặc yêu cầu Ban phụ trách có chỉ đạo khác.	HỆ THỐNG UST	\$3.200	Trung bình	Lớn
97	0400-18-01-.02(5)(a)		Không sử dụng hệ thống UST được làm bằng hoặc lót bằng vật liệu tương thích với sản phẩm xăng dầu được lưu trữ trong hệ thống UST.	HỆ THỐNG UST	\$3.200	Trung bình	Lớn
98	0400-18-01-.02(5)(b)	Chỉ liên quan đến công tác giấy tờ	Không thông báo cho Ban phụ trách ít nhất 30 ngày trước khi chuyển đổi sang loại nhiên liệu có hàm lượng ethanol cao hơn 10% hoặc có hàm lượng diesel sinh học cao hơn 20%.	HỆ THỐNG UST	\$100	Nhỏ	Nhỏ
99	0400-18-01-	Chỉ liên quan đến công tác giấy tờ	Không chứng minh được tính tương thích của hệ thống UST	HỆ THỐNG UST	\$100	Nhỏ	Nhỏ

100	.02(5)(b)	Hệ thống UST không tương thích với sản phẩm xăng dầu được lưu trữ	(bao gồm bồn chứa, hệ thống đường ống, bể gom thùng chứa, thiết bị bơm, thiết bị phát hiện rò rỉ, thiết bị chống tràn đổ và đầy tràn) bằng một hoặc nhiều phương pháp đã nêu.	Trích dẫn .02(5)(a) XEM DÒNG 97			
101	0400-18-01-.02(5)(c)		Không lưu giữ hồ sơ chứng minh việc tuân thủ theo quy định ở tiểu mục (b) của mục này.	Trích dẫn .03(2) XEM DÒNG 136			
102	0400-18-01-.02(6)(a)	Bồn chứa	Không lắp đặt thùng chứa phụ cho bồn chứa được thay thế sau ngày 25 tháng 7 năm 2007	BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
103		Hệ thống đường ống	Không lắp đặt thùng chứa phụ cho hệ thống đường ống được thay thế sau ngày 25 tháng 7 năm 2007	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$3.200	Trung bình	Lớn
104		Trụ bơm	Không lắp đặt thùng chứa phụ trên trụ bơm nhiên liệu động cơ được thay thế sau ngày 25 tháng 7 năm 2007	HỆ THỐNG UST	\$1.200	Trung bình	Nhỏ
105	0400-18-01-.02(6)(c)		Không thay thế tất cả các đường ống kết nối với bồn chứa ngầm cụ thể đang bị loại bỏ và thay thế bằng đường ống có thùng chứa phụ áp dụng biện pháp theo dõi khe hở	XEM DÒNG 88			
106	0400-18-01-.02(6)(d)		Không có sự cho phép của Ban phụ trách khi sửa chữa đường ống	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
107	0400-18-01-.02(6)(e)	Bất cứ thứ gì bên trên và bao gồm cả van cắt trong hệ thống đường ống chịu áp cao và phía trên ống nối trong đường ống hút kiểu Mỹ	Không trang bị thùng chứa phụ cho trụ bơm nhiên liệu động cơ được thay thế sau ngày 25 tháng 7 năm 2007	HỆ THỐNG UST	\$1.200	Trung bình	Nhỏ
108	0400-18-01-.02(6)(f)	Chỉ áp dụng cho chủ sở hữu trong quá trình thay thế	Không lưu giữ hồ sơ thay thế bồn chứa, đường ống và/hoặc trụ bơm trong suốt vòng đời hoạt động của hệ thống UST.	THAY THẾ	\$100	Nhỏ	Nhỏ

109	0400-18-01-.02(7)(a)		Không sửa chữa hệ thống UST để ngăn ngừa rò rỉ trong suốt vòng đời hoạt động của hệ thống bồn chứa.	Sửa chữa	\$8.000	Lớn	Lớn
110	0400-18-01-.02(7)(a)		Không sửa chữa hoặc thay thế bất kỳ bồn chứa hoặc đường ống nào có kết cấu bị hỏng.	BỒN CHỨA/ĐƯỜNG ỐNG	\$8.000	Lớn	Lớn
111	0400-18-01-.02(7)(b)		Không sửa chữa bồn chứa gia cố sợi thủy tinh theo thông số kỹ thuật của nhà sản xuất	SỬA CHỮA	\$1.200	Trung bình	Nhỏ
112	0400-18-01-.02(7)(c)		Không thay thế đường ống kim loại đã rò rỉ sản phẩm do bị ăn mòn.	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$8.000	Lớn	Lớn
113	0400-18-01-.02(7)(c)		Không sửa chữa hệ thống đường ống gia cố sợi thủy tinh theo thông số kỹ thuật của nhà sản xuất	SỬA CHỮA	\$8.000	Lớn	Lớn
114	0400-18-01-.02(7)(d)		Không thực hiện kiểm thử độ kín khít thùng chứa phụ theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc theo hướng dẫn do Ban phụ trách cung cấp trong vòng 30 ngày kể từ ngày sửa chữa đối với các khu vực lắp đặt thùng chứa phụ cho bồn chứa và đường ống được sử dụng để theo dõi khe hở	MỖI BỒN CHỨA HOẶC ĐƯỜNG ỐNG ĐÃ SỬA CHỮA	\$1.200	Trung bình	Nhỏ
115	0400-18-01-.02(7)(e)	Xem quy định để biết các trường hợp ngoại lệ	Không đảm bảo rằng các hệ thống bồn chứa đã qua sửa chữa được kiểm thử độ kín khít trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành việc sửa chữa.	KIỂM THỬ/HỆ THỐNG UST	\$1.200	Trung bình	Nhỏ
116	0400-18-01-.02(7)(f)	Chỉ chủ sở hữu tại thời điểm sửa chữa	Không thực hiện kiểm thử hệ thống bảo vệ cathode của hệ thống UST trong vòng 6 tháng sau khi sửa chữa hệ thống UST	KIỂM THỬ/HỆ THỐNG CP	\$1.200	Trung bình	Nhỏ
117	0400-18-01-.02(7)(g)	Chỉ chủ sở hữu tại thời điểm sửa chữa	Không đảm bảo rằng trong vòng 30 ngày sau khi sửa chữa, thiết bị chống tràn đổ và đầy tràn được kiểm thử hoặc kiểm tra theo tiêu mục (3)(c) của Quy định 0400-18-01-.02 để đảm bảo thiết bị hoạt động bình thường.	KIỂM THỬ/HỆ THỐNG CP	\$1.200	Trung bình	Nhỏ

118	0400-18-01-.02(7)(h)	Chỉ chủ sở hữu tại thời điểm sửa chữa	Không đảm bảo rằng trong vòng 30 ngày sau khi sửa chữa, thiết bị chống tràn đổ và đầy tràn được kiểm thử hoặc kiểm tra theo tiêu mục (3)(c) của Quy định 0400-18-01-.02 để đảm bảo thiết bị hoạt động bình thường.	SỬA CHỮA	\$100	Nhỏ	Nhỏ
119	0400-18-01-.02(8)(a)1.	>4 lần kiểm tra	Không thực hiện kiểm tra toàn diện định kỳ.	HỆ THỐNG UST	\$3.200	Trung bình	Lớn
120		4 lần kiểm tra trở xuống			Không áp dụng khoản phạt		
121	0400-18-01-.02(8)(a)1.(i)(I)	>4 lần kiểm tra	Không kiểm tra thiết bị chống tràn đổ trong quá trình kiểm tra toàn diện bắt buộc bằng cách thực hiện những việc sau: <ul style="list-style-type: none"> kiểm tra trực quan để phát hiện hư hỏng; loại bỏ chất lỏng hoặc mảnh vụn; kiểm tra và loại bỏ các vật cản trong đường ống nạp; kiểm tra nắp ống nạp để đảm bảo rằng nắp được gắn chắc chắn vào ống nạp; và đối với thiết bị chống tràn đổ có vách kép áp dụng biện pháp theo dõi khe hở, hãy kiểm tra rò rỉ ở trong <ul style="list-style-type: none"> không gian khe hở 	HỆ THỐNG UST	\$2.000	Trung bình	Trung bình
122		4 lần kiểm tra trở xuống			Không áp dụng khoản phạt		
123	0400-18-01-.02(8)(a)1.(i)(II)	>4 lần kiểm tra	Không kiểm tra thiết bị phát hiện rò rỉ trong quá trình kiểm tra toàn diện bắt buộc bằng cách thực hiện những việc sau: <ul style="list-style-type: none"> kiểm tra để đảm bảo rằng các thiết bị phát hiện rò rỉ đang hoạt động bình thường mà không có báo động hoặc <ul style="list-style-type: none"> các tình trạng hoạt động bất thường khác; và đảm bảo rằng hồ sơ kiểm thử thiết bị phát hiện rò rỉ được xem xét và cập nhật; 	HỆ THỐNG UST	\$2.000	Trung bình	Trung bình
124		4 lần kiểm tra trở xuống			Không áp dụng khoản phạt		

125	0400-18-01-.02(8)(a)1.(ii)(I)		<p>Không kiểm tra bể gom thùng chứa trong quá trình kiểm tra toàn diện hàng năm bắt buộc bằng cách thực hiện những việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> kiểm tra trực quan xem có hư hỏng, rò rỉ vào khu vực thùng chứa hoặc rò rỉ ra môi trường hay không; <ul style="list-style-type: none"> loại bỏ chất lỏng (trong bể gom) hoặc mảnh vụn; và đối với bể gom có vách kép được theo dõi khe hở, hãy kiểm tra rò rỉ ở không gian khe hở 	HỆ THỐNG UST	\$2.000	Trung bình	Trung bình
126	0400-18-01-.02(8)(a)1.(ii)(II)		<p>Không kiểm tra khả năng vận hành và tình trạng bảo dưỡng của thiết bị phát hiện rò rỉ cầm tay, chẳng hạn như thanh đo bồn chứa hoặc thanh đo nguồn nước ngầm trong quá trình kiểm tra toàn diện hàng năm bắt buộc</p>	HỆ THỐNG UST	\$2.000	Trung bình	Trung bình
127	0400-18-01-.02(8)(a)2.-3.		<p>Không thực hiện kiểm tra toàn diện tình trạng vận hành và bảo dưỡng theo quy tắc thực hành tiêu chuẩn được xây dựng bởi hiệp hội được công nhận trên toàn quốc hoặc phòng thí nghiệm độc lập để kiểm tra thiết bị so với Quy định 0400-18-01-.02(8)(a)1.; hoặc theo hướng dẫn của ban phụ trách.</p>	Trích dẫn 0400- 18-01-.02(8)(a)1 XEM DÒNG 119 & 120			
128	0400-18-01-.02(8)(b)		<p>Không lưu giữ hồ sơ (theo tiểu mục (2)(b) của Quy định 0400-18-01-.03) của các lần kiểm tra toàn diện tình trạng vận hành và bảo dưỡng trong một (1) năm, bao gồm: • danh sách của từng khu vực được kiểm tra, • liệu mỗi khu vực được kiểm tra đã được chấp nhận hay cần thực hiện hành động khắc phục, • mô tả các hành động được thực hiện để khắc phục sự cố, và • biên bản tiếp nhận nhiên liệu nếu thiết bị chống tràn đổ được kiểm tra ít thường xuyên hơn 30 ngày một lần do việc tiếp nhận nhiên liệu không thường xuyên.</p>	Trích dẫn 0400- 18-01-.02(8)(a)1 XEM DÒNG 119 & 120			
129	0400-18-01-.03(1)(a)1		<p>Không nộp biểu mẫu thông báo trước lắp đặt trước khi thực hiện lắp đặt/xây dựng</p>	Trích dẫn .02(1)(a)1 XEM DÒNG 1			

130	0400-18-01-.03(1)(a)2		Không gửi biểu mẫu thông báo trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành quá trình lắp đặt	THÔNG BÁO	\$200	Nhỏ	Trung bình
131	0400-18-01-.03(1)(c)		Không gửi biểu mẫu thông báo riêng cho tất cả các bồn chứa cần thông báo được lắp đặt tại một địa điểm hoạt động riêng	CƠ SỞ	\$100	Nhỏ	Nhỏ
132	0400-18-01-.03(1)(c)		Trên biểu mẫu thông báo đã gửi không xác định rõ tất cả các bồn chứa thuộc sở hữu của chủ sở hữu tại cơ sở đó	HỆ THỐNG UST	\$200	Nhỏ	Trung bình
133	0400-18-01-.03(1)(d)	Đối với chủ sở hữu ban đầu, trích dẫn .02(1)(e)	Không cung cấp đầy đủ chứng nhận của tất cả các yêu cầu trên biểu mẫu thông báo	Trích dẫn .02(1)(e) XEM DÒNG 17			
134	0400-18-01-.03(1)(f)		Không thông báo cho người mua bồn chứa về các yêu cầu thông báo	THÔNG BÁO	\$100	Nhỏ	Nhỏ
135	0400-18-01-.03(1)(g)		Không báo cáo về sự thay đổi tình trạng vận hành cho hệ thống UST trong vòng 30 ngày	HỆ THỐNG UST	\$600	Nhỏ	Lớn
136	0400-18-01-.03(2)		Không hợp tác, thể hiện ở việc không cung cấp tài liệu, hồ sơ kiểm thử hoặc theo dõi cho Ban phụ trách trước khi ban hành mệnh lệnh	XEM QUY TRÌNH TÍNH PHẠT MỚI SỬA ĐỔI			
137	0400-18-01-.03(2)(a)		Không hợp tác, thể hiện ở việc không cung cấp tài liệu, hồ sơ kiểm thử hoặc theo dõi cho Ban phụ trách khi có yêu cầu đầu tiên	XEM QUY TRÌNH TÍNH PHẠT MỚI SỬA ĐỔI			
138	0400-18-01-.03(2)(a)1		Chủ sở hữu/người vận hành không nộp thông báo cho Ban phụ trách về tất cả các hệ thống UST	HỆ THỐNG UST	\$600	Nhỏ	Lớn
139	0400-18-01-.03(2)(a)2		Không gửi biểu mẫu thông báo trước khi chuyển đổi hệ thống UST sang lưu trữ một số sản phẩm xăng dầu nhất định theo tiểu mục (5)(b) của Quy định 0400-18-01-.02.	Khoang Bồn chứa	\$600	Nhỏ	Lớn
140	0400-18-01-.03(2)(a)3		Không báo cáo tất cả các trường hợp nghi ngờ rò rỉ	Trích dẫn .05(1)(a) XEM DÒNG 227			

141	0400-18-01-.03(2)(a)3		Không báo cáo mọi trường hợp rò rỉ được xác nhận	Trích dẫn .06(3)(a) XEM DÒNG 251			
142	0400-18-01-.03(2)(a)3		Không báo cáo mọi sự cố tràn đổ	Trích dẫn .05(4)(a) XEM DÒNG 239			
143	0400-18-01-.03(2)(a)3		Không báo cáo mọi sự cố đầy tràn	Trích dẫn .05(4)(a) XEM DÒNG 239			
144	0400-18-01-.03(2)(a)4	Đề cập đến lỗi không hợp tác theo .03(2) và đề cập đến lỗi không thực hiện công việc theo .06	Không báo cáo tất cả các hành động khắc phục đã được lên kế hoạch hoặc thực hiện, bao gồm các biện pháp ứng phó ban đầu, các biện pháp xử trí nguy hại, đánh giá sơ bộ về đặc điểm và mức độ vi phạm của cơ sở, kế hoạch hành động khắc phục và các chỉ dẫn khác của ban phụ trách.	Trích dẫn .03(2) DÒNG 104 & Trích dẫn quy định hiện hành theo .06 XEM DÒNG 241-309			
145	0400-18-01-.03(2)(a)5		Không thông báo trước khi đóng vĩnh viễn hoặc thay đổi tình trạng vận hành bồn chứa	Trích dẫn .03(2) DÒNG 104			
146	0400-18-01-.03(2)(a)6		Không báo cáo các hoạt động đóng bồn chứa bao gồm cả kết quả đánh giá cơ sở	Trích dẫn .03(2) DÒNG 104			
147	0400-18-01-.03(2)(b)1		Không duy trì nhật ký công tác kiểm tra khoang thu gom tràn đổ hàng tháng cho biết thông tin kiểm tra tối thiểu 12 tháng gần nhất	Trích dẫn .02(3)(b)4 XEM DÒNG 39			
148	0400-18-01-.03(2)(b)2		Không lưu giữ hồ sơ tuân thủ đối với thiết bị chống tràn đổ và đầy tràn cũng như bể gom thùng chứa dùng để theo dõi khe hở đường ống	Trích dẫn .02(3)(a)1(i)-(ii) XEM DÒNG 33- 34			
149	0400-18-01-.03(2)(b)3		Không lưu giữ hồ sơ tuân thủ các yêu cầu về lớp lót đối với bồn chứa được làm bằng thép và được lắp đặt vào hoặc trước ngày 22 tháng 12 năm 1988	Trích dẫn .02(4)(a)3(i) XEM DÒNG 58			

150	0400-18-01-.03(2)(b)4		Không lưu giữ hồ sơ phân tích của chuyên gia chống ăn mòn về khả năng bị ăn mòn tại cơ sở nếu không sử dụng thiết bị chống ăn mòn	Trích dẫn .02(4)(a) XEM DÒNG 46			
151	0400-18-01-.03(2)(b)5		Không lưu giữ hồ sơ vận hành thiết bị bảo vệ chống ăn mòn	Trích dẫn .02(4)(c)1 XEM DÒNG 83			
152	0400-18-01-.03(2)(b)6		Không lưu giữ hồ sơ về tính tương thích cho các hệ thống UST	Trích dẫn .02(5)(b) XEM DÒNG 98			
153	0400-18-01-.03(2)(b)7		Không lưu giữ hồ sơ về việc thay thế bồn chứa, đường ống và/hoặc trụ bơm	Trích dẫn .02(6)(f) XEM DÒNG 108			
154	0400-18-01-.03(2)(b)8		Không lưu giữ hồ sơ sửa chữa Hệ thống UST	Trích dẫn .02(7)(g) XEM DÒNG 117			
155	0400-18-01-.03(2)(b)9		Không lưu giữ hồ sơ kiểm tra toàn diện tình trạng vận hành và bảo dưỡng	Trích dẫn .02(8)(a) 1 XEM DÒNG 119- 126			
156	0400-18-01-.03(2)(b)10		Không lưu giữ nhật ký kiểm tra trụ bơm hàng quý cho tối thiểu 12 tháng gần nhất	Trích dẫn .04(1)(e) XEM DÒNG 175			
157	0400-18-01-.03(2)(b)11		Không lưu giữ hồ tuân thủ gần nhất với các yêu cầu về hệ thống phát hiện rò rỉ	XEM DÒNG .04(5)			
158	0400-18-01-.03(2)(b)12		Không lưu giữ hồ sơ tuân thủ yêu cầu đóng bồn chứa và kết quả đánh giá cơ sở được thực hiện khi đóng vĩnh viễn bồn chứa	XEM DÒNG .07(7)			
159	0400-18-01-.03(2)(c)1		Không lưu giữ hồ sơ cần thiết tại cơ sở UST hoặc cơ sở UST đã sẵn sàng đi vào sử dụng	XEM DÒNG 106 (quy tắc cụ thể về tham khảo chéo)			

160	0400-18-01-.03(2)(c)2		Không có tất cả các hồ sơ sẵn sàng để xem xét trong quá trình kiểm tra theo lịch định trước của ban phụ trách	XEM DÒNG 106 (quy tắc cụ thể về tham khảo chéo)			
161	0400-18-01-.03(2)(d)		Không chuyển giao hồ sơ hoặc bản sao hồ sơ cho chủ sở hữu mới tại thời điểm chuyển quyền sở hữu	CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU	\$100	Nhỏ	Nhỏ
162	0400-18-01-.04(1)(a)1		Không áp dụng phương pháp phát hiện rò rỉ có khả năng phát hiện rò rỉ từ bồn chứa thường xuyên lưu trữ sản phẩm.	KHOANG BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
163	0400-18-01-.04(1)(a)1		Không áp dụng phương pháp phát hiện rò rỉ có khả năng phát hiện rò rỉ từ hệ thống đường ống thường xuyên chứa sản phẩm.	Trích dẫn .04(2)(b)1 (i) & (ii) XEM DÒNG 180 & 181			
164	0400-18-01-.04(1)(a)2	Không thực hiện phát hiện rò rỉ đúng cách ở bồn chứa	Không lắp đặt, hiệu chuẩn, vận hành hoặc duy trì phương pháp phát hiện rò rỉ bồn chứa theo hướng dẫn của nhà sản xuất	KHOANG BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
165	0400-18-01-.04(1)(a)2	Rò rỉ nhỏ - Không thực hiện phát hiện rò rỉ đúng cách để kiểm thử độ kín khít đường ống/theo dõi hàng tháng	Không lắp đặt, hiệu chuẩn, vận hành hoặc duy trì phương pháp phát hiện rò rỉ đường ống theo hướng dẫn của nhà sản xuất	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$2.000	Trung bình	Trung bình

166	0400-18-01-.04(1)(a)2	Không thực hiện phát hiện rò rỉ đúng cách ở thiết bị phát hiện rò rỉ đường ống	Không lắp đặt, hiệu chuẩn, vận hành hoặc duy trì phương pháp phát hiện rò rỉ đường ống theo hướng dẫn của nhà sản xuất	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$2.000	Trung bình	Trung bình
167	0400-18-01-.04(1)(a)3		Không đảm bảo rằng các bộ phận dạng cơ và điện tử được kiểm thử hàng năm về tình trạng hoạt động bình thường theo các điểm 2(i) đến (iii) của tiểu mục này	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$2.000	Trung bình	Trung bình
168	0400-18-01-.04(1)(a)4	Bồn chứa	Không áp dụng phương pháp phát hiện rò rỉ đáp ứng các yêu cầu về hiệu suất	KHOANG BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
169		Hệ thống đường ống		HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$2.000	Trung bình	Trung bình
170	0400-18-01-.04(1)(a)5	Bồn chứa	Không áp dụng phương pháp phát hiện rò rỉ đã được Nhóm Công tác Quốc gia về Đánh giá Phát hiện Rò rỉ (NWGLDE) xem xét đánh giá của bên thứ ba, và danh sách các thiết bị phát hiện rò rỉ hoặc phương pháp thực hiện được liệt kê trong danh sách do NWGLDE lưu giữ	KHOANG BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
171		Hệ thống đường ống		HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$2.000	Trung bình	Trung bình
172	0400-18-01-.04(1)(b)		Không thông báo cho Ban phụ trách khi bất kỳ phương pháp phát hiện rò rỉ nào được sử dụng tại cơ sở phát hiện trường hợp nghi ngờ rò rỉ trong vòng 72 giờ, ngay cả khi một phương pháp khác được sử dụng tại cơ sở đó không phát hiện ra rò rỉ	Trích dẫn .05(1)(a) XEM DÒNG 227			
173	0400-18-01-.04(1)(c)		Không đóng bất kỳ hệ thống UST nào không đáp ứng các yêu cầu về phát hiện rò rỉ.	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			
174	0400-18-01-.04(1)(d)		Không chọn sử dụng một phương pháp phát hiện rò rỉ khác nếu phương pháp được O/O chọn không thể đáp ứng các tiêu chuẩn về hiệu suất theo yêu cầu của ban phụ trách	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			
175	0400-18-01-.04(1)(e)	Đối với tất cả các loại trụ bơm	Không tháo nắp trụ bơm và kiểm tra trực quan ít nhất là hàng quý xem có rò rỉ, thấm, nhỏ giọt hay không	MỖI LẦN KIỂM TRA/	\$100	Nhỏ	Nhỏ

				MỖI HỆ THỐNG			
176	0400-18-01-.04(1)(f)	Đối với các bể gom cần có thùng chứa phụ	Không tháo nắp trụ bơm và kiểm tra trực quan ít nhất là hàng quý xem có xăng dầu trong bể gom hay không. Việc kiểm tra trực quan sẽ kiểm tra sự hiện diện của xăng dầu và/hoặc nước trong bồn chứa. Nếu quan sát thấy có chất lỏng trong bể gom của trụ bơm, thì chất lỏng đó phải được loại bỏ khỏi bể gom theo cách sao cho ngăn ngừa được sự rò rỉ xăng dầu ra môi trường.	MỖI LẦN KIỂM TRA/MỖI HỆ THỐNG	\$100	Nhỏ	Nhỏ
177	0400-18-01-.04(2)(a)	Không cung cấp > 4 tháng	Không theo dõi bồn chứa ít nhất là hàng tháng, nếu thích hợp	KHOANG BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
178		Không cung cấp 4 tháng trở xuống		KHOANG BỒN CHỨA/THÁNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
179	0400-18-01-.04(2)(b)		Không trang bị bất kỳ biện pháp phát hiện rò rỉ nào cho đường ống ngầm	Trích dẫn .04(2)(b)1(i), .04(2)(b)1(ii), hoặc .04(2)(b)2 XEM DÒNG 180-182			
180	0400-18-01-.04(2)(b)1(i)		Không trang bị thiết bị phát hiện rò rỉ tự động cho hệ thống đường ống ngầm có áp suất.	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$3.200	Trung bình	Lớn
181	0400-18-01-.04(2)(b)1(ii)		Không thực hiện kiểm thử độ kín khít đường ống hàng năm hoặc không theo dõi hàng tháng đối với đường ống ngầm có áp suất.	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$2.000	Trung bình	Trung bình
182	0400-18-01-.04(2)(b)2	Đường ống hút kiểu Mỹ và vị trí van một chiều không xác định	Không thực hiện theo dõi hàng tháng hoặc kiểm thử độ kín khít đường ống ba năm một lần đối với đường ống hút, nếu phù hợp	KIỂM THỬ/HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$2.000	Trung bình	Trung bình
183	0400-18-01-.04(3)(a)1		Sử dụng biện pháp đo bồn chứa thủ công đối với các bồn chứa không đủ tiêu chuẩn	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			

184	0400-18-01-.04(3)(a)1(i)		Sử dụng sai biện pháp Đo Bồn chứa Thủ công ở các bồn chứa có kích thước không phù hợp	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			
185	0400-18-01-.04(3)(a)1(ii)		Không thực hiện kiểm thử độ kín cho bồn chứa có thể tích 551-1000 gallon khi sử dụng biện pháp Đo Bồn chứa Thủ công để phát hiện rò rỉ	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			
186	0400-18-01-.04(3)(a)1(iii)		Không thực hiện kiểm thử độ kín khí bồn chứa có thể tích 1001-2000 gallon khi sử dụng biện pháp Đo Bồn chứa Thủ công để phát hiện rò rỉ	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			
187	0400-18-01-.04(3)(a)2		Không thực hiện Đo Bồn chứa Thủ công theo cách mà độ chính xác của kết quả đạt trong hơn bốn tháng bị nghi ngờ	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			
188	0400-18-01-.04(3)(a)2(i)		Không thực hiện đo mức sản phẩm trong thời hạn quy định mà không có sản phẩm nào được thêm vào hoặc lấy ra	THÁNG/HỆ THỐNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
189	0400-18-01-.04(3)(a)2(ii)		Không ghi chép lại các kết quả đo dựa trên giá trị trung bình của hai lần đo liên tiếp bằng thanh đo bồn ở cả đầu và cuối giai đoạn.	THÁNG/HỆ THỐNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
190	0400-18-01-.04(3)(a)2(iii)		Không sử dụng thiết bị có khả năng đo chính xác đến 1/8 inch.	THÁNG/HỆ THỐNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
191	0400-18-01-.04(3)(a)2(iv)		Không đo và ghi chép lại mức sản phẩm chính xác đến 1/8 inch.	THÁNG/HỆ THỐNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
192	0400-18-01-.04(3)(a)2(v)		Không báo cáo trường hợp nghi ngờ rò rỉ khi phương pháp phát hiện cho biết có thể đã xảy ra rò rỉ	Trích dẫn .05(1)(a) XEM DÒNG 227			
193	0400-18-01-.04(3)(b)1-2		Sử dụng phương pháp kiểm thử độ kín khí bồn chứa không có khả năng phát hiện tốc độ rò rỉ 0,10 gallon mỗi giờ (gph)	KIỂM THỬ	\$2.000	Trung bình	Trung bình

194	0400-18-01-.04(3)(b)3	Nếu thiếu quá nhiều, kết quả kiểm thử sẽ không hợp lệ và được coi là lỗi không có TTT	Không bao gồm tất cả các thông tin cần thiết trong báo cáo kiểm thử độ kín khí bồn chứa	KIỂM THỬ	\$200	Nhỏ	Nhỏ
195	0400-18-01-.04(3)(b)4		Không báo cáo trường hợp nghi ngờ rò rỉ khi tốc độ rò rỉ lớn hơn tốc độ rò rỉ được thiết lập theo thông số kỹ thuật của nhà sản xuất và/hoặc chứng nhận của bên thứ ba	Trích dẫn .05(1)(a) XEM DÒNG 227			
196	0400-18-01-.04(3)(c)1(i)		Không sử dụng thiết bị đo bồn chứa tự động có khả năng phát hiện sự cố rò rỉ ít nhất 0,2 gph để theo dõi hàng tháng và được đặt ở chế độ theo dõi rò rỉ mỗi tháng một lần	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			
197	0400-18-01-.04(3)(c)1(ii)		Không báo cáo trường hợp nghi ngờ rò rỉ khi phương pháp phát hiện cho biết có thể đã xảy ra rò rỉ	Trích dẫn .05(1)(a) XEM DÒNG 227			
198	0400-18-01-.04(3)(c)2(i)		Không sử dụng thiết bị có khả năng phát hiện rò rỉ ít nhất 0,2 gph để theo dõi hàng tháng bằng CSLD và đặt ở chế độ kiểm tra rò rỉ ít nhất là mỗi tháng một lần nếu không thể thực hiện kiểm thử trong khoảng thời gian một tháng bất kỳ	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			
199	0400-18-01-.04(3)(c)2(ii)		Không báo cáo trường hợp nghi ngờ rò rỉ khi phương pháp phát hiện cho biết có thể đã xảy ra rò rỉ	Trích dẫn .05(1)(a) XEM DÒNG 227			
200	0400-18-01-.04(3)(d)1	Đối với bồn chứa	Không sử dụng phương pháp lấy mẫu hoặc kiểm thử để phát hiện rò rỉ qua vách bên trong ở bất kỳ phần nào của bồn chứa thường xuyên lưu trữ xăng dầu, để đem lại khả năng bảo vệ liên tục và được lắp đặt theo hướng dẫn của Ban phụ trách.	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			
201	0400-18-01-.04(3)(d)2	Đối với bồn chứa	Thiết bị tự động không có khả năng phát hiện rò rỉ từ bồn chứa có lớp lót bên trong hoặc sự không tương thích giữa lớp lót và sản phẩm được lưu trữ	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			

202	0400-18-01-.04(3)(e)1	Đối với bồn chứa	Không thu thập dữ liệu cần thiết theo yêu cầu về kiểm soát lượng hàng tồn	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			
203	0400-18-01-.04(3)(eh)2	Đối với bồn chứa	Không có báo cáo đối chiếu lượng hàng tồn thống kê bắt buộc hàng tháng	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			
204	0400-18-01-.04(3)(e)3		Không báo cáo số liệu tốc độ rò rỉ hàng tháng cho phương pháp SIR định lượng	THÁNG/HỆ THỐNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
205	0400-18-01-.04(3)(e)4		Không sử dụng tiêu chí báo cáo và/hoặc thuật ngữ phù hợp (Đạt, Không đạt, Không xác định) khi đưa ra quyết định về SIR	THÁNG/HỆ THỐNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
206	0400-18-01-.04(3)(e)5		Không sử dụng phương pháp khác nếu có quá ít ngày hoạt động để đối chiếu lượng hàng tồn thống kê cho mục đích phân tích thành công trong bất kỳ tháng nào	THÁNG/HỆ THỐNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
207	0400-18-01-.04(3)(e)6	Trích dẫn .05(1)	Không báo cáo trường hợp nghi ngờ rò rỉ sau khi đánh giá SIR là "Không đạt" hoặc có kết quả "Không xác định" trong hai tháng liên tiếp	Trích dẫn .05(1)(a) XEM DÒNG 227			
208	0400-18-01-.04(3)(f)1		Không sử dụng phương pháp khác để phát hiện được tốc độ rò rỉ 0,2 gph	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			
209	0400-18-01-.04(3)(f)3		Không tuân thủ các điều kiện do Ban phụ trách quy định đối với việc sử dụng phương pháp phát hiện rò rỉ đã chọn	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			
210	0400-18-01-.04(4)(a)		Không kiểm thử thiết bị phát hiện rò rỉ đường ống hàng năm.	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$2.000	Trung bình	Trung bình
211	0400-18-01-.04(4)(b)		Không thực hiện kiểm thử độ kín khít đường ống bằng phương pháp có khả năng phát hiện được tốc độ rò rỉ ít nhất 0,1 gph.	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG	\$2.000	Trung bình	Trung bình

212	0400-18-01-.04(4)(c)		Sử dụng không phù hợp các phương pháp phát hiện rò rỉ bồn chứa áp dụng cho đường ống.	Trích dẫn .04(2)(b)1(ii) hoặc .04(2)(b)2 XEM DÒNG 181-182			
213	0400-18-01-.04(4)(c)1(i)-(iii)		Không sử dụng phương pháp lấy mẫu hoặc kiểm thử để phát hiện rò rỉ qua vách bên trong ở bất kỳ phần nào của đường ống thường xuyên chứa xăng dầu, hoạt động liên tục như thiết kế và thực hiện kiểm thử định kỳ 30 ngày, đồng thời được lắp đặt theo hướng dẫn của Ban phụ trách.	Trích dẫn .04(2)(b)1(ii) hoặc .04(2)(b)2 XEM DÒNG 181-182			
214	0400-18-01-.04(4)(c)1(iv)(I)		Không sử dụng bể gom thùng chứa để theo dõi khe hở đường ống có vách kép và được theo dõi định kỳ với tần suất không thấp hơn tần suất kiểm tra toàn diện hoặc được kiểm thử ba năm một lần theo yêu cầu	Trích dẫn .04(2)(b)1(ii) hoặc .04(2)(b)2 XEM DÒNG 181-182			
215	0400-18-01-.04(4)(c)1(iv)(II)		Không lắp đặt các cảm biến điện tử dùng để tuân thủ Quy định 04(4)(c)1(iv)(I) trong mỗi bể gom và được lắp đặt ở điểm thấp nhất trong bể gom và được kiểm thử hàng năm	Trích dẫn .04(2)(b)1(ii) hoặc .04(2)(b)2 XEM DÒNG 181-182			
216	0400-18-01-.04(4)(d)1		Không thu thập dữ liệu cần thiết theo yêu cầu về kiểm soát lượng hàng tồn	Trích dẫn .04(2)(b)1(ii) hoặc .04(2)(b)2 XEM DÒNG 181-182			
217	0400-18-01-.04(4)(d)2		Không có báo cáo đối chiếu lượng hàng tồn thống kê bắt buộc hàng tháng	Trích dẫn .04(2)(b)1(ii) hoặc .04(2)(b)2 XEM DÒNG 181-182			

218	0400-18-01-.04(4)(d)3		Không báo cáo số liệu tốc độ rò rỉ hàng tháng cho phương pháp SIR định lượng	THÁNG/HỆ THỐNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
219	0400-18-01-.04(4)(d)4		Không sử dụng tiêu chí báo cáo và/hoặc thuật ngữ phù hợp (Đạt, Không đạt, Không xác định) khi đưa ra quyết định về SIR	THÁNG/HỆ THỐNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
220	0400-18-01-.04(4)(d)5		Không sử dụng phương pháp khác nếu có quá ít ngày hoạt động để đối chiếu lượng hàng tồn thống kê cho mục đích phân tích thành công trong bất kỳ tháng nào	THÁNG/HỆ THỐNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
221	0400-18-01-.04(4)(d)6	Trích dẫn .05(1)	Không báo cáo trường hợp nghi ngờ rò rỉ sau khi đánh giá SIR là "Không đạt" hoặc có kết quả "Không xác định" trong hai tháng liên tiếp	Trích dẫn .05(1)(a) XEM DÒNG 227			
222	0400-18-01-.04(5)(a)		Không ghi chép lại tất cả các tuyên bố về hiệu suất phát hiện rò rỉ trong 5 năm sau khi lắp đặt hoặc cho đến khi phương pháp đó không còn được sử dụng tại cơ sở, tùy theo thời điểm nào đến sau	HỆ THỐNG UST	\$100	Nhỏ	Nhỏ
223	0400-18-01-.04(5)(b)		Không lưu giữ hồ sơ theo dõi phát hiện rò rỉ trong 12 tháng gần nhất.	Xác định là lỗi không có phương pháp phát hiện rò rỉ phù hợp			
224	0400-18-01-.04(5)(b)(1)		Không lưu giữ kết quả kiểm thử bồn chứa và/hoặc độ kín khí cho đến lần kiểm thử tiếp theo.	HỆ THỐNG UST	\$2.000	Trung bình	Trung bình
225	0400-18-01-.04(5)(b)(2)		Không lưu giữ kết quả kiểm thử được thực hiện theo điểm (1)(a)3 của quy định này trong ba năm; và ở mức tối thiểu, hãy liệt kê từng bộ phận được kiểm thử, cho biết liệu từng bộ phận được kiểm thử có đáp ứng các tiêu chí trong điểm (1)(a)3 của quy định này hay cần phải thực hiện hành động khắc phục, và mô tả bất kỳ hành động nào cần được thực hiện để khắc phục sự cố	KIỂM THỬ	\$200	Nhỏ	Nhỏ

226	0400-18-01-.04(5)(c)		Không ghi chép lại từng công tác hiệu chuẩn, bảo trì và sửa chữa thiết bị phát hiện rò rỉ trong năm (5) năm hoặc cho đến khi phương pháp đó không còn được sử dụng tại cơ sở, tùy theo thời điểm nào đến sau.	SỰ KIỆN	\$100	Nhỏ	Nhỏ
227	0400-18-01-.05(1)(a)		Không báo cáo trường hợp nghi ngờ rò rỉ cho ban phụ trách trong vòng 72 giờ sau khi phát hiện sự cố rò rỉ xăng dầu, trường hợp xảy ra các tình trạng vận hành bất thường hoặc xuất hiện các kết quả giám sát cho thấy có thể đã xảy ra rò rỉ	TRƯỜNG HỢP NGHI NGỜ RÒ RỈ	\$3.200	Trung bình	Lớn
228	0400-18-01-.05(2)	Trích dẫn bước điều tra độc lập theo yêu cầu	Không tuân theo các bước điều tra và xác nhận khi xảy ra các tác động đến môi trường và có trường hợp nghi ngờ rò rỉ	XEM CÁC DÒNG 229 - 238			
229	0400-18-01-.05(3)(a)		Không thực hiện kiểm thử hệ thống khi có nghi ngờ rò rỉ để xác định xem có xảy ra rò rỉ trong bồn chứa hoặc đường ống phân phối hoặc có lỗ thủng ở một trong hai vách của thùng chứa phụ hay không.	KIỂM THỬ	\$2.000	Trung bình	Trung bình
230	0400-18-01-.05(3)(a)2		Không sửa chữa, thay thế hoặc đóng hệ thống UST và bắt đầu hành động khắc phục nếu kết quả kiểm thử cho thấy đã xảy ra rò rỉ.	SỰ KIỆN	\$3.200	Trung bình	Lớn
231	0400-18-01-.05(3)(a)4		Không thực hiện kiểm tra cơ sở khi xảy ra ô nhiễm môi trường và kiểm thử hệ thống không phát hiện rò rỉ	Trích dẫn .05(3)(b) XEM DÒNG 232			
232	0400-18-01-.05(3)(b)		Không thực hiện kiểm tra cơ sở một cách thích đáng khi xảy ra ô nhiễm môi trường	SỰ KIỆN	\$3.200	Trung bình	Lớn
233	0400-18-01-.05(3)(b)1		Không bắt đầu hành động khắc phục khi có nghi ngờ rò rỉ và việc kiểm tra cơ sở cho thấy đã xảy ra rò rỉ	XEM DÒNG LIÊN QUAN THUỘC .06			
234	0400-18-01-.05(3)(c)1		Không thông báo trước cho Ban phụ trách ít nhất một (1) ngày làm việc trước bất kỳ hoạt động thông thường nào trên thực địa	Trích dẫn .06(1)(b)1(i) XEM DÒNG 220			

235	0400-18-01-.05(3)(c)2		Không khoan đất và/hoặc giếng quan trắc, chuyển sang giếng quan trắc, và/hoặc bỏ giếng quan trắc theo hướng dẫn của Ban phụ trách	Trích dẫn .06(1)(b)1(ii) XEM DÒNG 221			
236	0400-18-01-.05(3)(c)3(i)		Không lấy mẫu theo hướng dẫn và chỉ đạo của Ban phụ trách.	SỰ KIẾN	\$8.000	Lớn	Lớn
237	0400-18-01-.05(3)(c)3(ii)		Không phân tích mẫu bằng phương pháp được USEPA công nhận hoặc bằng phương pháp khác được ban phụ trách phê duyệt trước khi phân tích	SỰ KIẾN	\$8.000	Lớn	Lớn
238	0400-18-01-.05(3)(c)3(iii)		Không nộp mẫu phân tích môi trường cho Ban phụ trách	SỰ KIẾN	\$6.000	Lớn	Trung bình
239	0400-18-01-.05(4)(a)		Không khống chế và dọn sạch ngay lập tức sự cố tràn đổ/đầy tràn dưới 25 gallon và báo cáo cho Ban phụ trách trong vòng 72 giờ về sự cố tràn đổ/đầy tràn nhiều hơn 25 gallon	SỰ KIẾN	\$8.000	Lớn	Lớn
240	0400-18-01-.05(4)(b)		Không khống chế và dọn sạch ngay lập tức sự cố tràn đổ/đầy tràn dưới 25 gallon	SỰ KIẾN	\$3.200	Trung bình	Lớn
241	0400-18-01-.06(1)(a)		Không tuân thủ các yêu cầu chung của quy định 0400- 18-01-.06	XEM CÁC DÒNG 242-309			
242	0400-18-01-.06(1)(b)1(i)		Không thông báo trước cho Ban phụ trách ít nhất một (1) ngày làm việc trước bất kỳ hoạt động thông thường nào trên thực địa	SỰ KIẾN	\$4.400	Lớn	Nhỏ
243	0400-18-01-.06(1)(b)1(ii)	Hàng đầu vì đây là trường hợp ứng phó khẩn cấp	Không thông báo cho Ban phụ trách muộn nhất là một (1) ngày làm việc sau bất kỳ hoạt động bất thường nào trên thực địa, chẳng hạn như ứng phó khẩn cấp	SỰ KIẾN	\$6.000	Lớn	Nhỏ
244	0400-18-01-.06(1)(b)2	Họ không làm gì hoặc không làm theo hướng dẫn	Không khoan giếng và/hoặc giếng quan trắc theo hướng dẫn của Ban phụ trách	KHOAN GIẾNG	\$8.000	Lớn	Lớn
245		Họ đã làm một phần chứ không phải toàn bộ			\$6.000	Lớn	Trung bình

246	0400-18-01-.06(1)(b)2		Không chuyển sang giếng quan trắc theo hướng dẫn của Ban phụ trách.	GIẾNG	\$200	Nhỏ	Trung bình
247	0400-18-01-.06(1)(b)3(i)	Họ không làm gì với mẫu hoặc làm sai hết	Không lấy mẫu, dán nhãn, xử lý và vận chuyển các mẫu phân tích môi trường theo hướng dẫn và chỉ dẫn của Ban phụ trách	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
248		Họ chỉ làm sai một phần			\$6.000	Lớn	Trung bình
249	0400-18-01-.06(1)(b)3(ii)		Không phân tích mẫu bằng phương pháp được USEPA công nhận hoặc bằng phương pháp khác đã được Ban phụ trách phê duyệt trước khi phân tích	SỰ KIỆN	\$4.400	Lớn	Trung bình
250	0400-18-01-.06(1)(b)3(iii)	Từ chối nộp bản gốc hoặc không thực hiện, trích dẫn dòng 225	Gửi (các) báo cáo phân tích mẫu không chứa tất cả thông tin được liệt kê trong phần (1)(b)3.(iii)(I) đến (VII)	BÁO CÁO	\$100	Nhỏ	Nhỏ
251	0400-18-01-.06(3)(a)		Không báo cáo trường hợp rò rỉ được xác nhận cho Ban phụ trách trong vòng 72 giờ	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
252	0400-18-01-.06(3)(b)1		Không thực hiện kiểm thử hệ thống theo yêu cầu của Ban phụ trách	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
253	0400-18-01-.06(3)(b)2		Không loại bỏ hết lượng xăng dầu rò rỉ cần thiết khỏi hệ thống UST ngay lập tức sau khi rò rỉ được xác nhận để ngăn ngừa bất kỳ sự cố rò rỉ nào tiếp theo.	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
254	0400-18-01-.06(3)(b)3		Không dừng hoạt động hệ thống UST ngay lập tức sau khi rò rỉ được xác nhận cho đến khi đường ống và/hoặc thiết bị phụ trợ có liên quan đến rò rỉ được thay thế và/hoặc sửa chữa	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
255	0400-18-01-.06(3)(b)4		Không ngăn chặn việc tiếp nhận xăng dầu vào hệ thống UST đang bị rò rỉ sau khi rò rỉ được xác nhận	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn

256	0400-18-01-.06(3)(c)		Không thực hiện hành động ngay lập tức để xác định các nguy cơ cháy, nổ và/hoặc hơi xăng dầu sau khi rò rỉ được xác nhận.	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
257	0400-18-01-.06(3)(d)		Không kiểm tra trực quan các rò rỉ trên mặt đất hoặc bên dưới mặt đất và ngăn chặn sự phát tán thêm xăng dầu vào vùng đất xung quanh và/hoặc nguồn nước ngầm	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
258	0400-18-01-.06(3)(e)		Không tiến hành khảo sát tình trạng sử dụng nước, bao gồm cả việc điều tra và lấy mẫu tất cả các nguồn cung cấp nước, kể cả giếng và suối, nằm trong phạm vi 0,1 dặm tính từ cơ sở xăng dầu theo chỉ dẫn của Ban phụ trách sau khi rò rỉ được xác nhận	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
259	0400-18-01-.06(4)(a)		Không gửi Báo cáo Thông báo Nguy cơ theo biểu mẫu cho Ban phụ trách trong vòng 72 giờ sau khi phát hiện ra nguồn nước uống bị ảnh hưởng, hơi xăng dầu, sản phẩm xăng dầu trôi nổi và/hoặc các nguy hại khác	SỰ KIỆN	\$200	Nhỏ	Trung bình
260	0400-18-01-.06(4)(b)1(i)		Không cung cấp ngay lập tức một nguồn cung cấp nước uống thay thế để thay cho nguồn nước uống bị ảnh hưởng sau khi phát hiện/xác nhận nguồn nước uống bị ảnh hưởng	SỰ KIỆN	\$200	Nhỏ	Trung bình
261		Không nộp báo cáo		SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
262	0400-18-01-.06(4)(b)1(ii)	Không tuân theo Hướng dẫn của Ban phụ trách	Không gửi đề xuất cung cấp nguồn nước uống lâu dài, bao gồm đề xuất chi phí và đề xuất phương pháp sử dụng.	SỰ KIỆN	\$6.000	Lớn	Trung bình
263	0400-18-01-.06(4)(b)1(iii)		Không thực hiện (các) hành động cần thiết để thực hiện đề xuất đã được phê duyệt nhằm cung cấp nguồn nước uống lâu dài	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn

264	0400-18-01-.06(4)(b)2		Không có hành động ngay lập tức để loại bỏ các nguy hại về hơi xăng dầu khi phát hiện và/hoặc xác nhận các nguy hại về hơi xăng dầu	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
265	0400-18-01-.06(4)(b)2(i)		Không cung cấp biện pháp kiểm soát nguy hại về hơi xăng dầu, ở mức tối thiểu, để ngăn ngừa các nguy cơ cháy nổ và biến chứng do phơi nhiễm qua đường hô hấp đối với sức khỏe con người.	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
266	0400-18-01-.06(4)(b)2(ii)		Không theo dõi các mức hơi xăng dầu theo hướng dẫn và lịch trình do Ban phụ trách quy định.	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
267	0400-18-01-.06(4)(b)3(i)		Sau khi xác nhận có sản phẩm xăng dầu trôi nổi, không thực hiện ngay các biện pháp tức thời để loại bỏ sản phẩm đó nhằm kiểm soát sự phát tán của chúng hoặc đối với sản phẩm xăng dầu trôi nổi có trong các hố đào	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
268	0400-18-01-.06(4)(b)3(ii)(I)	Không nộp báo cáo Không tuân theo Hướng dẫn của Ban phụ trách	Không nộp Kế hoạch Điều tra Sản phẩm Xăng dầu Trôi nổi theo quy định, bao gồm đề xuất lắp đặt giếng quan trắc và đề xuất chi phí.	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
269				SỰ KIỆN	\$6.000	Lớn	Trung bình
270	0400-18-01-.06(4)(b)3(ii)(II)		Không triển khai Kế hoạch Điều tra Sản phẩm Xăng dầu Trôi nổi đã được phê duyệt	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
271	0400-18-01-.06(4)(b)3(ii)(II)	Không nộp báo cáo Không tuân theo Hướng dẫn của Ban phụ trách	Không nộp Báo cáo Điều tra Sản phẩm Xăng dầu Trôi nổi theo định dạng và phù hợp với lịch trình do Ban phụ trách quy định.	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
272				SỰ KIỆN	\$6.000	Lớn	Trung bình
273	0400-18-01-.06(4)(b)3(iii)	Không nộp báo cáo	Không nộp Kế hoạch Loại bỏ Sản phẩm Xăng dầu Trôi nổi theo hướng dẫn của Ban phụ trách	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn

274		Không tuân theo Hướng dẫn của Ban phụ trách			\$6.000	Lớn	Trung bình
275	0400-18-01-.06(4)(b)3(iv)		Không triển khai Kế hoạch Loại bỏ Sản phẩm Xăng dầu Trôi nổi sau khi được phê duyệt	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
276	0400-18-01-.06(4)(b)3(v)	Không thực hiện bất kỳ yêu cầu nào	Không tuân thủ tất cả các yêu cầu báo cáo về Kế hoạch Loại bỏ Sản phẩm Xăng dầu Trôi nổi và/hoặc nộp các báo cáo đó cho Ban phụ trách	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
277		Không thực hiện chỉ một phần yêu cầu			\$6.000	Lớn	Trung bình
278	0400-18-01-.06(4)(b)4		Không thực hiện (các) hành động thích hợp (được Ban phụ trách chấp thuận trước) để giảm bớt các nguy hại đã xác định	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
279	0400-18-01-.06(4)(c)	Không nộp báo cáo	Không nộp Báo cáo Xử trí Nguy hại theo hướng dẫn của Ban phụ trách	BÁO CÁO	\$8.000	Lớn	Lớn
280		Không tuân theo Hướng dẫn của Ban phụ trách			\$6.000	Lớn	Trung bình
281	0400-18-01-.06(5)(a)1		Không thực hiện đánh giá cơ sở bao gồm bốn lỗ khoan/giếng quan trắc theo chỉ đạo của Ban phụ trách	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
282	0400-18-01-.06(5)(a)2		Không gửi đề xuất về các lỗ khoan/giếng quan trắc bổ sung (ngoài bốn giếng quan trắc ban đầu) bao gồm đề xuất chi phí và văn bản giải trình để xin phê duyệt trước khi lắp đặt các lỗ khoan hoặc giếng quan trắc bổ sung.	SỰ KIỆN	\$200	Nhỏ	Trung bình
283	0400-18-01-.06(5)(a)3		Không lắp đặt thêm các lỗ khoan/giếng quan trắc theo yêu cầu của Ban phụ trách	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn

284	0400-18-01-.06(5)(b)	Không nộp báo cáo	Không nộp Báo cáo Đặc điểm Cơ sở Ban đầu (ISCR) theo định dạng và lịch trình do Ban phụ trách quy định, cùng với việc thu thập dữ liệu, phân tích rủi ro và hoàn thành báo cáo theo hướng dẫn của ban phụ trách.	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
285		Không tuân theo Hướng dẫn của Ban phụ trách			\$6.000	Lớn	Trung bình
286	0400-18-01-.06(5)(b)5	Không nộp báo cáo	Không hoàn thành bảng Báo cáo Phân tích Rủi ro (RAR) và hướng dẫn trong khuôn khổ thực hiện Báo cáo Đặc điểm Cơ sở Ban đầu	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
287		Không tuân theo Hướng dẫn của Ban phụ trách			\$6.000	Lớn	Trung bình
288	0400-18-01-.06(6)(a)		Không thực hiện giám sát đóng bồn chứa theo Hướng dẫn của Ban phụ trách	SỰ KIỆN	\$3.200	Trung bình	Lớn
289	0400-18-01-.06(6)(b)		Không bỏ giếng quan trắc đúng cách	XEM DÒNG 223			
290	0400-18-01-.06(6)(c)	Không nộp báo cáo	Không nộp báo cáo theo yêu cầu của Ban phụ trách phù hợp với hướng dẫn của Ban phụ trách	BÁO CÁO	\$8.000	Lớn	Lớn
291		Không tuân theo Hướng dẫn của Ban phụ trách			\$6.000	Lớn	Trung bình
292	0400-18-01-.06(7)(b)	Nếu không làm theo những gì đề xuất	Không nộp đề xuất, bao gồm cả đề xuất chi phí, để sử dụng các biện pháp bổ sung cụ thể theo chỉ đạo của Ban phụ trách	SỰ KIỆN	\$6.000	Lớn	Trung bình
293	0400-18-01-.06(8)(a)1		Làm chất ô nhiễm phát tán sang các khu vực trước đây không bị ô nhiễm hoặc ít bị ô nhiễm hơn trong quá trình loại bỏ nguồn ô nhiễm do việc bảo quản không đúng cách, xử lý không đúng cách, xả thải chưa qua xử lý hoặc thải bỏ không đúng cách	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn

294	0400-18-01-.06(8)(a)2		Không xử lý đất theo cách ngăn chặn sự tiếp xúc của con người với đất bị ô nhiễm và ngăn đất tiếp xúc với nước mưa có thể gây ra dòng chảy ô nhiễm bề mặt.	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
295	0400-18-01-.06(8)(b)2	Các nguy hại đã biết hoặc các tác động đã biết	Không thực hiện hành động để loại bỏ hoặc giảm bớt rủi ro theo yêu cầu hoặc phê duyệt của ban phụ trách	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
296		Loại bỏ các đường lây nhiễm cho đối tượng ảnh hưởng			\$2.000	Trung bình	Trung bình
297	0400-18-01-.06(8)(c)	Chỉ được đánh giá nếu Ban phụ trách yêu cầu hoặc chủ sở hữu chọn điều này thay vì dọn sạch	Không thiết lập các biện pháp kiểm soát thể chế theo yêu cầu hoặc phê duyệt của Ban phụ trách	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
298	0400-18-01-.06(8)(d)	Chỉ được đánh giá nếu Ban phụ trách yêu cầu hoặc chủ sở hữu chọn điều này thay vì dọn sạch	Không áp dụng các biện pháp kiểm soát kỹ thuật theo yêu cầu hoặc phê duyệt của Ban phụ trách	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
299	0400-18-01-.06(9)(a)		Không gửi thông tin mô hình dự báo theo định dạng và lịch trình do Ban phụ trách quy định và tuân theo hướng dẫn của Ban phụ trách	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
300	0400-18-01-.06(9)(b)	Không thực hiện	Không đưa ra kết luận với thông tin mô hình dự báo về quá trình hành động cần được thực hiện để giải quyết ô nhiễm	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
301		Không tuân theo Hướng dẫn của Ban phụ trách			\$6.000	Lớn	Trung bình

302	0400-18-01-.06(10)(a)	Không thực hiện	Không nộp Kế hoạch Hành động Khắc phục (CAP) theo yêu cầu hoặc phê duyệt của Ban phụ trách phù hợp với hướng dẫn của Ban phụ trách	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
303		Không tuân theo Hướng dẫn của Ban phụ trách			\$6.000	Lớn	Trung bình
304	0400-18-01-.06(10)(b)1(i-iv)		Không đưa mọi thông tin yêu cầu chung vào Kế hoạch Hành động Khắc phục (CAP)	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
305	0400-18-01-.06(10)(b)2(i-v)		Không đưa mọi thông tin yêu cầu cho từng cơ sở cụ thể vào Kế hoạch Hành động Khắc phục (CAP)		\$6.000	Lớn	Trung bình
306	0400-18-01-.06(10)(c)	Nếu CAP không được thực hiện	Không thực hiện Kế hoạch Hành động Khắc phục (CAP) đã được phê duyệt	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
307	0400-18-01-.06(10)(d)	Nếu muộn so với yêu cầu	Không gửi báo cáo theo lịch trình trong Kế hoạch Hành động Khắc phục (CAP) đã được phê duyệt		\$200	Nhỏ	Trung bình
308	0400-18-01-.06(11)(a)		Không đưa ra thông báo công khai về Kế hoạch Hành động Khắc phục (CAP)	SỰ KIỆN	\$200	Nhỏ	Trung bình
309	0400-18-01-.06(11)(d)		Không đưa ra thông báo công khai thích hợp về việc chấm dứt CAP không có hiệu quả		\$200	Nhỏ	Trung bình
310	0400-18-01-.07(1)(a)	Thiếu tất cả hoặc tổ hợp các yêu cầu CP, trích dẫn mọi quy định hiện hành	Không tiếp tục vận hành, bảo dưỡng hệ thống bảo vệ cathode trong hệ thống bồn chứa tạm thời đóng	Trích dẫn quy định CP hiện hành XEM DÒNG 71-84			
311	0400-18-01-.07(1)(a)		Không tiếp tục vận hành và bảo dưỡng thiết bị phát hiện rò rỉ trong hệ thống bồn chứa tạm thời đóng có chứa sản phẩm	Trích dẫn .04(1)(a)1 XEM DÒNG 162			
312	0400-18-01-.07(1)(b)1	Yêu cầu đối với TOS	Để mở đường ống thông khí	BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn

313	0400-18-01-.07(1)(b)2		Đậy nắp và cố định chắc chắn tất cả các đường ống, máy bơm, hố thăm dò và thiết bị phụ trợ khác		\$3.200	Trung bình	Lớn
314	0400-18-01-.07(1)(b)3		Gửi biểu mẫu thông báo sửa đổi chỉ rõ rằng hệ thống bồn chứa đang tạm ngừng hoạt động		\$100	Nhỏ	Nhỏ
315	0400-18-01-.07(2)		Không đóng vĩnh viễn hệ thống UST không đạt tiêu chuẩn	HỆ THỐNG UST	\$3.200	Trung bình	Lớn
316	0400-18-01-.07(3)(a)		Không nộp đơn xin đóng khoang bồn chứa ít nhất 30 ngày trước khi đóng khoang bồn chứa.	KHOANG BỒN CHỨA	\$100	Nhỏ	Nhỏ
317	0400-18-01-.07(3)(a)1		Không nộp Đơn xin Đóng (các) Khoang Bồn chứa với định dạng theo hướng dẫn của ban phụ trách	KHOANG BỒN CHỨA	\$200	Nhỏ	Trung bình
318	0400-18-01-.07(3)(a)2(i)		Không gửi tuyên bố bằng văn bản của nhà sản xuất hoặc RPE chứng nhận việc đóng khoang bồn chứa sẽ không gây ra hư hỏng kết cấu	KHOANG BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
319	0400-18-01-.07(3)(a)2(ii)		Không gửi tuyên bố bằng văn bản của nhà sản xuất hoặc RPE chứng nhận CP sẽ tiếp tục hoạt động như thiết kế sau khi đóng khoang bồn chứa	KHOANG BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
320	0400-18-01-.07(3)(a)3		Không xin chấp thuận của ban phụ trách trước khi đóng khoang bồn chứa	KHOANG BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
321	0400-18-01-.07(3)(a)5		Không tuân theo kế hoạch nêu trong Đơn xin Đóng (các) Khoang Bồn chứa đã được phê duyệt	KHOANG BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
322	0400-18-01-.07(3)(a)6		Không có Đơn xin Đóng (các) Khoang Bồn chứa đã được phê duyệt tại cơ sở	KHOANG BỒN CHỨA	\$100	Nhỏ	Nhỏ
323	0400-18-01-.07(3)(a)7 và 8	Chỉ đề cập nếu các quy định chưa thay đổi. Nếu quy định đã thay đổi, trích dẫn dòng 320	Sử dụng Đơn xin Đóng (các) Khoang Bồn chứa đã hết hạn hoặc sử dụng Đơn xin Đóng (các) Khoang Bồn chứa của người khác	KHOANG BỒN CHỨA	\$100	Nhỏ	Nhỏ

324	0400-18-01-.07(3)(b)		Không thực hiện đánh giá cơ sở trước khi hoàn thành việc đóng khoang bồn chứa.	SỰ KIỆN	\$3.200	Trung bình	Lớn
325	0400-18-01-.07(3)(b)		Không nộp kết quả các mẫu lấy được trong quá trình đóng khoang bồn chứa cho ban phụ trách trong vòng 60 ngày	BÁO CÁO	\$3.200	Trung bình	Lớn
326	0400-18-01-.07(3)(b)		Không ngừng vận hành khoang bồn chứa trước khi lấy mẫu	SỰ KIỆN/KHOANG BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
327	0400-18-01-.07(3)(c)		Không xả cặn và làm sạch khoang bồn chứa trong quá trình đóng	KHOANG BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Trung bình
328	0400-18-01-.07(3)(c)		Không đổ các vật liệu trơ có trọng lượng riêng lớn hơn 1.0 vào khoang bồn chứa	KHOANG BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
329	0400-18-01-.07(3)(d)		Không ngăn chặn hư hỏng đối với (các) bộ phận của bồn chứa chưa được đóng trong quá trình đóng khoang bồn chứa	BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
330	0400-18-01-.07(3)(e)		Không ngăn ngừa rò rỉ trong quá trình đóng khoang bồn chứa	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Lớn
331	0400-18-01-.07(4)(a)		Không nộp đơn xin đóng vĩnh viễn hoặc thay đổi tình trạng vận hành ít nhất 30 ngày trước khi đóng vĩnh viễn hoặc thay đổi tình trạng vận hành.	BỒN CHỨA	\$100	Nhỏ	Nhỏ
332	0400-18-01-.07(4)(a)1		Không nộp Đơn xin Đóng Vĩnh viễn với định dạng theo hướng dẫn của ban phụ trách	BỒN CHỨA	\$200	Nhỏ	Trung bình
333	0400-18-01-.07(4)(a)2		Không xin sự chấp thuận của ban phụ trách trước khi đóng vĩnh viễn	BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
334	0400-18-01-.07(4)(a)4		Không tuân theo kế hoạch nêu trong Đơn xin Đóng Vĩnh viễn đã được phê duyệt	BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
335	0400-18-01-.07(4)(a)5		Không có Đơn xin Đóng Vĩnh viễn đã được phê duyệt tại cơ sở	BỒN CHỨA	\$100	Nhỏ	Nhỏ

336	0400-18-01-.07(4)(a)6 và 7		Sử dụng Đơn xin Đóng Vĩnh viễn đã hết hạn hoặc sử dụng Đơn xin Đóng Vĩnh viễn của người khác	Trích dẫn .07(3)(a)7-8 nếu quy định chưa thay đổi - Nếu quy định thay đổi thì trích dẫn .07(3)(a)3 XEM DÒNG 323 hoặc 320.			
337	0400-18-01-.07(4)(b)		Không xả cặn và loại bỏ mọi chất lỏng cũng như cặn tích tụ ra khỏi bồn chứa trong quá trình đóng vĩnh viễn	BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
338	0400-18-01-.07(4)(b)		Không đổ vật liệu trơ có trọng lượng riêng lớn hơn 1.0 khi đóng vĩnh viễn bồn chứa ngầm	BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
339	0400-18-01-.07(4)(c)		Không xả cặn và loại bỏ mọi chất lỏng chất như cặn tích tụ ra khỏi bồn chứa trước khi thay đổi tình trạng vận hành	BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
340	0400-18-01-.07(4)(c)		Không thực hiện đánh giá cơ sở trước khi thay đổi tình trạng vận hành	SỰ KIỆN	\$3.200	Trung bình	Lớn
341	0400-18-01-.07(4)(d)	Trích dẫn Quy định nhắc đến Phụ lục A nhưng Phụ lục lại được đánh số 1	Không tuân theo các quy trình được mô tả trong Phụ lục 0400-18-01-.07A khi đào và tháo dỡ bồn chứa ra khỏi cơ sở.	SỰ KIỆN	\$3.200	Trung bình	Lớn
342	0400-18-01-.07(4)(f)	Trích dẫn Quy định nhắc đến Phụ lục A nhưng Phụ lục lại được đánh số 1	Không tuân theo mọi quy trình được mô tả trong Phụ lục 0400-18-01-.07A khi bảo quản bồn chứa đã được đào lên ở cơ sở, bao gồm cả việc duy trì trạng thái không có hơi xăng dầu	SỰ KIỆN	\$3.200	Trung bình	Lớn

343	0400-18-01-.07(4)(g)		Không bảo quản bồn chứa theo cách không gây hiểm họa về an toàn. Các bồn chứa phải được bảo quản ở vị trí có trọng tâm gần với mặt đất nhất. Không được xếp chồng bồn chứa lên nhau. Các bồn chứa phải được cố định chắc chắn để chúng không bị lăn hoặc trượt trên bề mặt bằng phẳng hoặc dốc.	BỒN CHỨA	\$8.000	Lớn	Lớn
344	0400-18-01-.07(5)(a)		Không tiến hành đánh giá khu vực đào đất theo quy định trước khi hoàn thành việc đóng vĩnh viễn bồn chứa hoặc thay đổi tình trạng vận hành.	SỰ KIỆN	\$3.200	Trung bình	Lớn
345	0400-18-01-.07(5)(a)2		Không thông báo cho ban phụ trách ít nhất một ngày trước khi lấy mẫu	SỰ KIỆN	\$1.200	Trung bình	Lớn
346	0400-18-01-.07(5)(b)		Không báo cáo kết quả của tất cả các mẫu đã lấy trong quá trình đóng hoặc thay đổi tình trạng vận hành trong vòng 60 ngày.	BÁO CÁO	\$3.200	Trung bình	Lớn
347	0400-18-01-.07(5)(b)		Không ngừng vận hành bồn chứa trước khi lấy mẫu	BỒN CHỨA	\$3.200	Trung bình	Lớn
348	0400-18-01-.07(5)(b)		Không gửi kết quả thí nghiệm mẫu dưới dạng tài liệu đính kèm trong Báo cáo Đóng Vĩnh viễn Hệ thống UST hoặc các Khoang Bồn chứa	BÁO CÁO	\$100	Nhỏ	Nhỏ
349	0400-18-01-.07(5)(c)	Không thực hiện	Không nộp Báo cáo Đóng Vĩnh viễn với định dạng do ban phụ quy định và theo hướng dẫn của ban phụ trách	BÁO CÁO	\$200	Trung bình	Lớn
350		Không tuân theo Hướng dẫn của Ban phụ trách			\$3.200	Trung bình	Lớn
351	0400-18-01-.07(5)(d)		Không đưa những thông tin thích hợp được yêu cầu trong Quy định 0400-18-01-.07(5)(d) vào Báo cáo Đóng Vĩnh viễn	BÁO CÁO	\$3.200	Trung bình	Lớn
352	0400-18-01-.07(5)(e)		Không bắt đầu ứng phó rõ ràng và hành động khắc phục trong trường hợp nguồn nước ngầm bị ô nhiễm hoặc sản phẩm xăng dầu trôi nổi được phát hiện khi đóng	SỰ KIỆN	\$8.000	Lớn	Nhỏ

353	0400-18-01-.07(6)		Không tiến hành đánh giá khu vực đào đất của hệ thống UST được đóng vĩnh viễn trước ngày 22 tháng 12 năm 1988 khi nó có thể gây ra mối đe dọa hiện hữu hoặc tiềm ẩn, khi có sự chỉ đạo thực hiện của Ban phụ trách	SỰ KIỆN	\$3.200	Trung bình	Lớn
354	0400-18-01-.07(7)		Không lưu giữ hồ sơ thay đổi tình trạng vận hành trong ít nhất 3 năm (chỉ chủ sở hữu trong thời gian thay đổi tình trạng vận hành)	SỰ KIỆN	\$100	Nhỏ	Nhỏ
355	0400-18-01-.07(7)		Không lưu giữ hồ sơ đóng trong ít nhất 3 năm (chỉ chủ sở hữu trong thời gian đóng)	SỰ KIỆN	\$100	Nhỏ	Nhỏ
356	0400-18-01-.10(6)(a)		Tiếp nhận xăng dầu vào (các) hệ thống bồn chứa xăng dầu ngầm ở những nơi mà Ban phụ trách đã gắn thẻ hoặc thông báo cho các trụ bơm hoặc họng nạp hoặc đã được đưa vào danh sách Cấm Nạp Nhiên liệu trên website.	Xem Chính sách Tiếp nhận Nhiên liệu Bất Hợp pháp			
357	0400-18-01-.12(2)(a)		Người sở hữu không thông báo cho Ban phụ trách trong vòng 30 ngày sau khi bị tịch thu tài sản thế chấp	THÔNG BÁO	\$100	Nhỏ	Nhỏ
358	0400-18-01-.12(2)(a)		Người sở hữu không điền thông tin vào biểu mẫu thông báo một cách chính xác và đầy đủ	THÔNG BÁO	\$100	Nhỏ	Nhỏ
359	0400-18-01-.12(2)(b)		Người sở hữu không báo cáo thay đổi tình trạng vận hành cho Ban phụ trách	THÔNG BÁO	\$100	Nhỏ	Nhỏ
360	0400-18-01-.12(2)(c)		Người sở hữu không báo cáo việc bán tài sản bảo đảm cho bồn chứa, hệ thống UST, cơ sở xăng dầu hoặc tài sản	THÔNG BÁO	\$100	Nhỏ	Nhỏ
361	0400-18-01-.15(1)(a)		Tiếp nhận hoặc cho phép tiếp nhận các sản phẩm xăng dầu vào trong UST chứa xăng dầu hoặc phân phối xăng dầu từ bồn chứa, nếu Ban phụ trách đã thực hiện một hay nhiều hành động sau: 1. Gắn thẻ hoặc thông báo vào trụ bơm; 2. Gắn thẻ hoặc thông báo vào họng nạp; hoặc 3. Thông báo đã được đăng trên website của Sở.	Xem Chính sách Tiếp nhận Nhiên liệu Bất Hợp pháp			

362	0400-18-01-.15(1)(b)		Tiếp nhận hoặc cho phép tiếp nhận các sản phẩm xăng dầu vào trong bồn chứa xăng dầu ngầm hoặc phân phối xăng dầu từ bồn chứa xăng dầu ngầm khi chủ sở hữu bồn chứa được yêu cầu thông báo cho Ủy viên theo Đạo luật T.C.A. § 68-215- 106(a) hoặc (b) và chủ sở hữu đã không thông báo cho Ủy viên về sự tồn tại hoặc quyền sở hữu đối với bồn chứa. Tiểu mục này áp dụng ngay cả khi không có thông báo hoặc thẻ vật lý nào được gắn vào trụ bơm hoặc hòng nạp hoặc không có thông báo nào đăng trên website của sở theo Đạo luật T.C.A. § 68-215-106(c).	Xem Chính sách Tiếp nhận Nhiên liệu Bất Hợp pháp			
363	0400-18-01-.15(2)		Sẽ là bất hợp pháp khi bất kỳ người nào phân phối xăng dầu từ bồn chứa xăng dầu ngầm nếu Ban phụ trách đã thực hiện một hoặc nhiều hành động trong tiểu mục (1)(a) hoặc (b) của quy định này.	Xem Chính sách Tiếp nhận Nhiên liệu Bất Hợp pháp			
364	0400-18-01-.15(3)		Tiếp tục lại việc tiếp nhận và phân phối xăng dầu khi không đáp ứng một trong các điều kiện sau: (a) Ban phụ trách đã thông báo cho chủ sở hữu và/hoặc người vận hành bồn chứa rằng có thể tháo thẻ ra; và (b) Ban phụ trách đã xóa tên cơ sở ra khỏi danh sách cấm tiếp nhận nhiên liệu trên trang website của Sở.	Xem Chính sách Tiếp nhận Nhiên liệu Bất Hợp pháp			
365	0400-18-01-.16(2)(a)	Bậc A & C	Cơ sở không có một hoặc nhiều người được chỉ định là Người vận hành Bậc A, Bậc B và Bậc C cho một hoặc nhiều hệ thống UST chứa xăng dầu.	CƠ SỞ/CHỈ ĐỊNH BẬC	\$600	Nhỏ	Lớn
366		Bậc B			\$3.200	Trung bình	Lớn
367	0400-18-01-.16(3)(a)		Chủ sở hữu bồn chứa không đăng ký (những) Người vận hành Bậc A và Bậc B cho từng cơ sở nơi đặt các hệ thống UST chứa xăng dầu bằng cách sử dụng cơ sở dữ liệu đào tạo trên web của Ban phụ trách trong vòng 30 ngày kể từ ngày lắp đặt bồn chứa hoặc thay đổi người vận hành Bậc A hoặc Bậc B.	CƠ SỞ/CHỈ ĐỊNH BẬC	\$100	Nhỏ	Nhỏ

368	0400-18-01-.16(3)(b)		Chủ sở hữu bồn chứa không xác minh trong cơ sở dữ liệu của ban phụ trách rằng một người được đào tạo đáp ứng các yêu cầu của Người vận hành Bậc C phải có mặt tại cơ sở bất cứ khi nào cơ sở đang hoạt động.	CƠ SỞ	\$100	Nhỏ	Nhỏ
369	0400-18-01-.16(3)(c)		Không có ít nhất một Người vận hành Bậc C đã qua đào tạo có mặt tại cơ sở bất cứ khi nào cơ sở đang hoạt động.	Trích dẫn .16(2)(a) XEM DÒNG 360			
370	0400-18-01-.16(3)(c)		Cơ sở không có người giám sát không đáp ứng các yêu cầu về Người vận hành Bậc C bằng cách đặt biển báo thích hợp ở nơi dễ thấy.	CƠ SỞ	\$100	Nhỏ	Nhỏ
371	0400-18-01-.16(3)(d)		Chủ sở hữu bồn chứa không cung cấp thông báo thích hợp cho ban phụ trách theo tiểu mục (1)(h) của Quy định 0400-18-01-.03 khi thay thế Người vận hành Bậc A hoặc Bậc B .	CƠ SỞ/CHỈ ĐỊNH BẬC	\$100	Nhỏ	Nhỏ
372	0400-18-01-.16(4)	Bậc A & C	Không hoàn thành việc đào tạo lại với Bậc phù hợp của Người vận hành trong khung thời gian đã được ban phụ trách xác định khi phát hiện ra vi phạm nghiêm trọng về tuân thủ vận hành.	CƠ SỞ/CHỈ ĐỊNH BẬC	\$600	Nhỏ	Lớn
373		Bậc B			\$3.200	Trung bình	Lớn
374	0400-18-01-.17(1)(a)		Các bồn chứa xây dựng tại cơ sở và hệ thống cứu hỏa sân bay không tuân thủ các Quy định 0400-18-01.02 đến 0400-18-01-.04 và 0400-18-01-.06 và 0400-18-01-.08 và 0400-18 -01-.16 và 0400-18-01-.17 không muộn hơn ba năm sau ngày quy định có hiệu lực nếu được lắp đặt vào hoặc trước ngày hiệu lực của quy định đó cũng như các Quy định 0400-18-04.05 và 0400-18-01.07 không muộn hơn ngày quy định có hiệu lực.	XEM TRÍCH DẪN QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH BỊ VI PHẠM			

375	0400-18-01.17(1)(b)		Các bồn chứa xây dựng tại cơ sở và hệ thống cứu hỏa sân bay được lắp đặt sau ngày hiệu lực của quy định này không tuân thủ các Quy định 0400-18-01.02 đến 0400-18-01-.08 và 0400-18-01-.16 và 0400-18- 01-.17 tại thời điểm lắp đặt.	XEM TRÍCH DẪN QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH BỊ VI PHẠM			
376	0400-18-01.17(1)(c)		Tất cả các bồn chứa xây dựng tại cơ sở và hệ thống cứu hỏa sân bay đang được sử dụng kể từ ngày hiệu lực của quy định này đều không gửi thông báo một lần về sự tồn tại của UST cho Ban phụ trách theo các tiểu mục (1)(b) và (c) của Quy định 0400 -18-01-.03 với định dạng do Ban phụ trách quy định và theo hướng dẫn của Ban phụ trách.	XEM TRÍCH DẪN QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH BỊ VI PHẠM			
377	T.C.A. 68-215- 106(a)		Không đăng ký bồn chứa ngầm theo quy chế	CƠ SỞ	\$3.200	Trung bình	Lớn
<p>Nguy cơ gây hại mức nhỏ là vi phạm ít có khả năng gây hại cho môi trường (ví dụ như vi phạm chỉ liên quan đến thủ tục hồ sơ hoặc chỉ liên quan đến tiền bạc)</p> <p>Nguy cơ gây hại mức trung bình là vi phạm có khả năng gây ra hoặc làm trầm trọng thêm tác hại đối với môi trường (ví dụ như các yêu cầu về phát hiện hoặc ngăn ngừa rò rỉ)</p> <p>Nguy cơ gây hại mức lớn là vi phạm có khả năng gây ra hoặc làm trầm trọng thêm tác hại đối với môi trường (ví dụ như các sự cố ô nhiễm đã biết nhưng không được giải quyết)</p> <p>Các quy định về UST chia làm hai nhóm chính: Ngăn ngừa và Phát hiện Rò rỉ. Để ngăn ngừa rò rỉ thì có ba bộ phận cấu thành: tràn đổ, đầy tràn và bảo vệ chống ăn mòn. Để phát hiện rò rỉ thì có ba bộ phận cấu thành: bồn chứa, đường ống và trụ bơm. Đường ống có hai bộ phận cấu thành: rò rỉ lớn và rò rỉ nhỏ.</p>							